Ngày giảng: ngày 7 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 1:**

**Tiết 1,2:** **ÔN TẬP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh ôn tập lại một số kiến thức về câu phân loại theo cấu tạo đã học ở lớp 6.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng xác định các biện pháp tu từ

**3. Thái độ:**

- HS có thái độ ôn tập tốt.

**II. Nội dung ôn tập**

**1. Phó từ:**

***a. Khái niệm phó từ :***

- Phó từ là những từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ, để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ

**b. Các loại phó từ: Có 2 loại lớn:**

- Phó từ đứng trước động từ, tính từ: Thường bổ sung ý nghĩa về quan hệ thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến

- Phó từ đứng sau động từ, tính từ: Bổ sung ý nghĩa về mức độ, khả năng, kết quả và hướng

**2. So sánh:**

***a. Khái niệm so sánh :***

- So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Môi đỏ như son.

***b. Cấu tạo của phép so sánh :*** Mô hình phép so sánh: gồm 4 phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Vế A  (Sự vật được so sánh) | Phương diện so sánh | Từ so sánh | Vế B  (Sự vật dùng để so sánh.) |
| Môi | đỏ | như | son |

VD: Da trắng như tuyết.

(1) (2) (3) (4)

***c. Các kiểu so sánh :*** Căn cứ vào các từ so sánh ta có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

(Từ so sánh: như, giống, tựa, y hệt, y như, như là, …)

- So sánh không ngang bằng

(Từ so sánh: hơn, thua, chẳng bằng, khác hẳn, chưa bằng, …)

***d. Tác dụng:***

- Giúp sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động.

- Giúp thể hiện sâu sắc tư tưởng tình cảm của tác giả.

**3. Nhân hóa:**

***a. Khái niệm nhân hóa :*** Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật… bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho con vật, cây cối… trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

***b. Các kiểu nhân hóa:*** Có 3 kiểu:

a/ Dùng những từ vốn gọi người à để gọi vật

VD: Bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay cùng đến nhà Lão Miệng.

b/ Dùng những từ chỉ hoạt động, tính chất của người à để chỉ hoạt động, tính chất của vật

VD: Con mèo nhớ thương con chuột.

c/ Trò chuyện, xưng hô với vật như với người

VD: Trâu ơi. Ta bảo trâu này.

**4. Ẩn dụ:**

***a. Khái niệm ẩn dụ*** :

- Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

***b. Các kiểu ẩn dụ:*** Có 4 kiểu ẩn dụ thường gặp.

- Ẩn dụ hình thức

- Ẩn dụ cách thức

- Ẩn dụ phẩm chất

- Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

**5. Hoán dụ**:

***a. Khái niệm hoán dụ :***

- Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

***b. Các kiểu hoán dụ.*** Có 4 kiểu:

- Lấy bộ phận để gọi toàn thể

- Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

- Lấy dấu hiệu sự vật để gọi sự vật

- Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

***c.So sánh ẩn dụ và hoán dụ*** :

\* Giống nhau :

- Đều gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác

- Nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

\* Khác nhau :

Ẩn dụ

Hoán dụ

· Dựa vào nét tương đồng về:

+ Hình thức

+ Cách thức

+ Phẩm chất

+ Chuyển đổi cảm giác

· Dựa vào quan hệ gần gũi:

+ Bộ phận với toàn thể

+ Cụ thể với trừu tượng

+ Dấu hiệu của sự vật với sự vật

+ Vật chứa đựng với vật bị chứa đựng

**6. Các thành phần chính của câu:**

***a. Phân biệt TPC với TPP của câu***.

- Thành phần chính: là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn. ( CN + VN )

- Thành phần phụ: là thành phần không bắt buộc phải có mặt trong câu ( trạng ngữ, … )

***b. Vị ngữ:*** - Là thành phần chính của câu

- Có khả năng kết hợp với các phó từ chỉ quan hệ thời gian ở phía trước.

- Trả lời cho các câu hỏi: Làm gì? Là gì? Làm sao? Như thế nào?

- Cấu tạo: động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ, danh từ hoặc cụm danh từ.

- Trong câu có thể có một hoặc nhiều vị ngữ.

***c. Chủ ngữ***: - Là thành phần chính của câu

- Nêu tên của sự vật, hiện tượng, … được nói đến ở vị ngữ.

-Trả lời cho các câu hỏi: Ai? Cái gì? Con gì?

- Cấu tạo: danh từ hoặc cụm danh từ, động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ.

- Trong câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

**7. Câu trần thuật đơn:**

\* Câu trần thuật đơn :

- Cấu tạo: Là loại câu do một cụm C – V tạo thành (Câu đơn )

( Lưu ý: câu có 1 CN và nhiều VN hoặc câu có nhiều CN và 1 VN đều được xem là câu đơn )

- Chức năng: Dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.

**8. Câu trần thuật đơn có từ là**:

***a. Đặc điểm của câu trần thuật đơn có từ “là”*** :

- Vị ngữ thường do từ “là” kết hợp với danh từ (CDT) tạo thành. Ngoài ra, có thể kết hợp với động từ (cụm động từ ), tính từ (cụm tính từ ).

- Khi biểu thị ý phủ định nó kết hợp với các cụm từ “không phải, chưa phải”.

***b. Các kiểu câu trần thuật đơn có từ là :*** Một số kiểu đáng chú ý:

- Câu định nghĩa

- Câu miêu tả

- Câu đánh giá

- Câu giới thiệu

**9. Câu trần thuật đơn không có từ là:**

***a. Đặc điểm của câu trần thuật đơn không có từ “là” :***

Vị ngữ thường do động từ hoặc cụm động từ, tính từ hoặc cụm tính từ tạo thành.

- Khi biểu thị ý phủ định, vị ngữ kết hợp với các từ không, chưa.

***b. Các kiểu câu trần thuật đơn không có từ “là”:***

- Câu miêu tả: CN – VN

VD: Con chim / đang bay.

- Câu tồn tại: VN - CN

VD: Trong nhà, có / khách.

**10. Chữa lỗi về chủ ngữ và vị ngữ:**

***a. Câu thiếu chủ ngữ:***

Nguyên nhân sai: Lầm trạng ngữ với chủ ngữ.

Sửa:

- Thêm chủ ngữ

- Biến trạng ngữ à chủ ngữ

***b. Câu thiếu vị ngữ:***

- Nguyên nhân: Lầm định ngữ là vị ngữ.

- Sửa:

+ Thêm vị ngữ:

+ Biến định ngữ là chủ ngữ

- Nguyên nhân: Lầm phần phụ chú là vị ngữ.

- Sửa:

+ Thêm vị ngữ

+ Thay dấu phẩy bằng từ là

***c. Câu thiếu cả chủ ngữ***.

+ Nguyên nhân: chưa phân biệt được trạng ngữ và chủ ngữ, vị ngữ.

Cách chữa lỗi.

Bổ sung nòng cốt chủ vị.

***d. Câu sai về quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần câu***

- Nguyên nhân: sắp xếp các thành phần câu không hợp lý.

- Cách chữa lỗi.

- Viết lại cho đúng với trật tự ngữ pháp, ngữ nghĩ

Ngày giảng: ngày 14 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 3:** **CỔNG TRƯỜNG MỞ RA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

Cảm nhận và thấm thía những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng của người mẹ đối với con và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc sống mỗi con người.

**2. Kĩ năng**: - Đọc, hiểu và phân tích một văn bản, kỹ năng phân tích diễn biến tâm lý nhân vật

**3. Thái độ:** Yêu quý, kính trọng và biết ơn đối với cha mẹ, có ý thức học tập đúng đắn khi ngồi trên ghế nhà trường.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  - Nêu hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày con khai trường?  **Câu 2:** Trong cái nhìn và suy nghĩ của người mẹ khi thấy con ngủ thể hiện tình cảm gì của người mẹ? Theo em tại sao người mẹ lại không ngủ được?  **Câu 3:** Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tiêu biểu nào để diên tả tâm trạng của người mẹ?  **Câu 4:** Qua sự hồi tưởng của người mẹ, em cảm nhận được gì về ý nghĩa của ngày khai trường đầu tiên trong cuộc đời mỗi con người?  **Câu 5:** Trong buổi tối không ngủ được, người mẹ đã liên tưởng đến điều gì cho buổi sáng ngày mai? | - HS trình bày  - HS miêu tả tâm trạng của người mẹ  - HS đọc câu hỏi và suy nghĩ trả lời  - HS trình bày nghệ thuật trong truyện  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  ***a. Tác giả***  - Lí Lan sinh năm 1957, quê ở Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Quê mẹ ở Lái Thiêu, quê cha ở huyện Triều Dương, thành phố Sán Đầu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tám năm đầu đời Lý Lan sống ở quê mẹ, sau khi mẹ mất thì gia đình về Chợ Lớn định cư.  - Là một phụ nữ đa tài, vừa là nhà giáo, nhà văn và đồng thời là một dịch giả nổi tiếng  ***b. Tác phẩm***  - “Cổng trường mở ra” được in trên báo Yêu trẻ, số 166, ngày 1-9-2000  - Văn bản ghi lại chân thực cảm xúc của người mẹ trong đêm trước ngày khai trường của con  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Những tình cảm dịu ngọt mẹ dành cho con:  + Trìu mến quan sát những việc làm của con (giúp mẹ thu dọn đồ chơi, háo hức ngày mai thức dậy cho kịp giờ,…)  + Vỗ về cho con ngủ, xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con trong ngày đầu tiên đến trường,..  - Tâm trạng của người mẹ trong đêm trước ngày con khai trường – không ngủ được:  + Suy nghĩ về việc làm cho ngày đầu tiên con đi học có ý nghĩa  + Hồi tưởng lại những kỉ niệm không thể nào quên của bản thân trong ngày đầu tiên đi học  + Hôm nay, mẹ không tập trung được vào việc gì  + Mẹ lên giường trằn trọc… không ngủ được  + Mẹ nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi gần tới cổng trường và nỗi chơi vơi, hốt hoảng khi cổng trường đóng lại  ⇒ Yêu thương con, tình cảm sâu nặng đối với con và luôn luôn lo lắng, suy nghĩ cho con  **Câu 2:**  - Người mẹ nhớ về ký ức tuổi thơ, về ngày khai trường năm xưa của chính mình.  - Người mẹ nhớ về câu văn của Thanh Tịnh trong bài “Tôi đi học”: “Hàng năm … dài và hẹp”  - Nhớ về cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến, rạo rực (từ láy) còn sâu đậm nơi người mẹ và người mẹ muốn truyền cái cảm xúc ấy sang cho con, biến nó thành ấn tượng sâu sắc suốt đời của con.  - Mẹ nhớ sự nôn nao, hồi hộp khi cùng bà ngoại đi tới gần trường và nỗi chơi vơi hốt hoảng khi cổng trường đóng lại.  **Câu 3:**  - Từ láy: khắc họa sâu sắc những nét tâm trạng của người mẹ còn in đậm về ngày khai trường đầu tiên của mình.  => Ngày khai trường đầu tiên trở thành kỉ niệm sâu sắc trong cuộc đời của mỗi người đã từng là học sinh.  => Khẳng định về tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp.  **Câu 4:** Người mẹ suy nghĩ và liên tưởng đến ngày khai trường ở Nhật Bản và tầm quan trọng của giáo dục:  - Ngày khai trường ở Nhật Bản:  + Là ngày lễ trọng đại của toàn xã hội;  + Là ngày người lớn và toàn xã hội thể hiện sự quan tâm, chăm sóc đối với trẻ em, đối với tương lai đất nước.  - Nền giáo dục ở NB: được ưu tiên hàng đầu, các chính sách được điều chỉnh kịp thời.  - Khẳng định tầm quan trọng của giáo dục đối với thế hệ trẻ:“Ai cũng biết rằng … .sau này”.  **Câu 5:**  - Người mẹ nghĩ đến ngày mai: đưa con đến trường, cầm tay con, rồi buông tay dặn dò: “Đi đi con … kì diệu sẽ mở ra”  -> Mẹ tin tưởng và khích lệ con.  -> Tình thương con gắn liền với hi vọng vào đứa con thơ.  => Người mẹ sâu sắc, tình cảm, tế nhị, hiểu biết và rất mực yêu thương con. |

***4. Củng cố:***

**-** Nêu giá trị nội dung,nghệ thuật của văn “Cổng trường mở ra”

Ngày giảng: ngày 14 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 2**

**Tiết 4:**  **MẸ TÔI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :** Qua bức thư của bố, qua tâm trạng của người cha trước lỗi lầm của đứa con đối với mẹ, tác giả muốn những đứa con khắc sâu trong lòng rằng mẹ là người đáng kính, đáng yêu nhất. Phạm lỗi đối với mẹ là những lỗi đáng trách, đáng lên án, đáng ân hận nhất. Cách giáo dục nghiêm khắc nhưng vẫn tế nhị, có lí, có tình với người cha.

- Nghệ thuật biểu hiện thái độ, t/cảm và tâm trạng gián tiếp qua một bức thư.

- Ngôi kể thứ nhất : xưng tôi - nhân vật kể chuyện

**2. Kĩ năng :**

- Phân tích tâm trạng của nhân vật.

-Bước đầu biết cách xây dựng văn biểu cảm.

**3. Thái độ:** Giáo dục tình yêu thương và sự kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ. Nhìn nhận ra lỗi lầm và có cách cư xử tế nhị trong cuộc sống.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: đọc bài

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung bài học** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**  **Câu 1:** Hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả A – mi – xi?  **Câu 2:** Nêu xuất xứ của văn bản “Mẹ tôi”  **Hoạt động 2: Luyện tập kĩ năng**  **Câu 1:** Văn bản trên có thể chia bố cục như thế nào? Nêu nội dung của từng phần?  **Câu 2:** Tại sao văn bản là một bức thư người bố gửi cho con, nhưng nhan đề văn bản lấy tên là “Mẹ tôi”?  **Câu 3:** Hình ảnh người mẹ En - ri - cô hiện lên như thế nào trong bức thư của người cha? Chỉ ra những chi tiết cụ thể?  **Câu 4**: Trước lỗi lầm của con, người cha có tâm trạng như thế nào?  **Câu 5:** Tại sao En ri cô lại cảm thấy xúc động khi đọc bức thư của bố? | - HS trình bày  - Hs nêu xuất xứ  - HS chia bố cục  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - E. A-mi-xi (1846- 1908) là nhà văn I- ta-li-a.  **Câu 2:**  Văn bản “Mẹ tôi trích từ tập truyện “Những tấm lòng cao cả” (1886)  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**Bố cục.  - Đoạn 1: Từ đầu -> vô cùng: Lí do viết thư.  - Đoạn 2: tiếp -> yêu thương đó: Hình ảnh người mẹ trong tâm trạng của người cha.  - Đoạn 3: còn lại: Thái độ của người cha trước lỗi lầm của con.  **Câu 2:** Nhan đề văn bản: “Mẹ tôi”  - Bà mẹ tuy không xuất hiện trực tiếp nhưng là tiêu điểm mà các nhân vật và các chi tiết trong văn bản đều hướng tới.  **Câu 3:** Hình ảnh của người mẹ trong tâm trạng của người cha  - Những kỉ niệm về người mẹ:  + Thức suốt đêm, cúi mình trong chiếc nôi……  + Quằn quại về nỗi lo sợ, khóc nức nở…..  + Sẵn sàng bỏ hết một năm hạnh phúc để tránh cho con một giờ đau đớn.  + Có thể ăn xin để nuôi con  + Có thể hy sinh tính mạng để cứu sống con.  -> Người mẹ có tình yêu thương con thắm thiết, sâu nặng.  -> Người mẹ có đức hy sinh cao cả**.**  **Câu 4:** Những lời nhắn nhủ, tâm tình và thái độ của người cha trước lỗi lầm của con.  \* Tâm trạng của người cha trước lỗi lầm của con.  + “Con đã thiếu lễ độ với mẹ”  + “Sự hỗn láo của con như một vết dao đâm vào tim bố vậy”  => Đau lòng, tức giận và thất vọng về con. Vì:  + Người cha hết mực yêu quý và thông cảm với vợ, vì tình yêu con của mình.  **Câu 5:** En-ri-cô xúc động khi đọc bức thư của bố vì:  - Bố gợi lại những kỉ niệm xúc động giữa mẹ và En ri cô.  - Vì thái độ kiên quyết và nghiêm khắc của bố.  - Vì những lời nói chân tình và sâu sắc của bố.  - Vì En ri cô thấy xấu hổ và ân hận vì lỗi lầm của mình |

***4. Củng cố***

**-** Sau khi học xong văn bản “Mẹ tôi” em rút ra được bài học gì?

Ngày giảng: ngày 21 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 3**

**Tiết 5,6:** **CUỘC CHIA TAY NHỮNG CON BÚP BÊ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Thấy được những tình cảm chân thành và sâu nặng của hai em bé trong câu chuyện. Cảm nhận được nỗi đau đớn, xót xa của những bạn nhỏ có hoàn cảnh gia đình bất hạnh, cha mẹ ly hôn.

- Nhận ra được cách kể chuyện chân thật và cảm động của tác giả..

**2. Kĩ năng :**

**-** Kể chuyện, miêu tả tâm lý nhân vật.

- Phân tích diễn biến tâm lí nhân vật..

**3. Thái độ:**

- Cảm thông, chia sẻ với những người bạn có hoàn cảnh éo le, bất hạnh.

- Có ý thức giữ gìn, trân trọng tình cảm anh em ruột thịt, tình cảm gia đình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1:**  **Câu 1:** Nêu những hiểu biết của em về truyện ngắnnày?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:**  Xác định bố cục của văn bản?  **Câu 2**: Thái độ và tâm trạng của 2 anh, em khi nghe mẹ giục chia đồ chơi hiện lên qua các cử chỉ nào?  **Câu 3:** Vì sao hai anh em có tâm trạng như vậy?  **Câu 4:** Hai con búp bê có ý nghĩa như thế nào đối với hai anh em Thành và Thuỷ?  **Câu 5:** Cuộc chia búp bê diễn ra như thế nào?  **Câu 6:** Cả hai anh em có muốn chia búp bê không? Qua đó thể hiện mong ước gì của hai anh em? | - Hs trình bày  - Hs xác định bố cục  - Hs phân tích  - Hs giải thích  - Hs trả lời  - Hs nêu diễn biến  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  *a. Tác giả*  - Khánh Hoài, bút danh khác là Bảo Châu, tên khai sinh là Đỗ Văn Xuyền, sinh năm 1937  - Quê gốc ở xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  - Các tác phẩm đã xuất bản: Trận chung kết (truyện dài, 1975), Những chuyện bất ngờ (truyện vừa, 1978), Cuộc chia tay của những con búp bê (truyện, 1992), …  *b. Tác phẩm*  - Truyện ngắn “Cuộc chia tay của những con búp bê” được trao giải Nhì, cuộc thi thơ – văn viết về quyền trẻ em, do Viện Khoa học Giáo dục và Tổ chức cứu trợ trẻ em Rát-đa Bác-nen Thụy Điển tổ chức năm 1992  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Đoạn 1: Đầu  “hiếu thảo như vậy”: Cuộc chia tay búp bê.  - Đoạn 2: Tiếp  “trùm lên cảnh vật”: Cuộc chia tay với cô giáo và các bạn.  - Đoạn 3: Còn lại: Cuộc chia tay giữa hai anh em.  **Câu 2:**  Tâm trạng của hai anh em khi nghe mẹ giục chia đồ chơi:  - Thuỷ:  + Run lên bần bật, kinh hoàng  + Cặp mắt tuyệt vọng, buồn thăm thẳm  + Hai bờ mi đã căng mọng lên vì khóc.  - Thành: Cắn chặt môi để khỏi bật lên tiếng khóc, nhưng nước mắt cứ tuôn ra như suố  **Câu 3:**  \* Tình cảm của 2 anh em:  - “Anh em tôi rất yêu thương nhau”  - Thuỷ ra sân vận động vá áo cho anh  - Thành giúp em học và chiều nào cũng đi đón em.  - Khi chia đồ chơi, Thành nhường hết đồ chơi cho em.  - Thuỷ hàng đêm thường đặt con vệ sĩ canh gác cho anh.  -> Tình cảm gần gũi, gắn bó, thương yêu, quan tâm chia sẽ lẫn nhau.  **Câu 4:**  \* Cuộc chia búp bê:  - Hai con búp bê (VS và E nhỏ)  + Là đồ chơi thân thiết nhất của hai anh em  + Là hình ảnh anh em ruột thịt luôn ở bên nhau.  **Câu 5:**  - Diễn biến:  + Thành: Lấy 2 con búp bê đặt sang 2 phía.  + Thuỷ: Tru tréo, giận giữ “anh…?”, sao anh ác thế!  + Thành: Đặt con Vsĩ vào cạnh con EN  + Thuỷ: Lo cho anh không có ai trông giấc ngủ bỗng nhiên vui vẻ: “Anh xem chúng đang cười kìa”.  **Câu 6:**  -> Hai anh em không muốn chia búp bê  Anh em không muốn chia xa.  -> Cuộc chia tay búp bê cũng như cuộc chia tay của hai anh em Thành và Thuỷ là điều nghịch lí, tình cảm ruột thịt, trong sáng, gắn bó lại phải chia lìa. |

***4. Củng cố:***  Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của hai anh em ở đoạn văn thứ nhất?

Ngày giảng: ngày 28 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

**Tiết 7:** **TỪ GHÉP**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

-Nắm được cấu tạo và ý nghĩa của các loại từ ghép.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận diện, phân tích và sử dụng từ ghép đúng nghĩa trong khi nói và viết.

**3. Thái độ**: Giáo dục ý thức học tập tích cực,ý thức giữ gìn, phát huy sự giàu đẹp và trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  - Tìm hiểu các loại từ ghép  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Hãy tìm từ ghép trong đoạn trích sau:  *“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp y như có nhát dao vừa lia qua”*  **Câu 2:**Cho các tiếng: mặt, học, dạy, xinh, tươi, nhà, trâu, áo. Em hãy tạo các thành các từ ghép đẳng lập  **Câu 3**: Hãy phân tích cấu tạo của các từ sau: hợp tác xã , công nghiệp hóa, nem cua bể | - Hs ôn tập  - Hs tìm từ ghép  - Hs trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Từ ghép có hai loại chính: từ ghép chính phụ và đẳng lập  + Từ ghép chính phụ: tiếng chính, tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính. Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau. Có tính phân nghĩa (nghĩa từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa tiếng chính)  VD: từ bà ngoại (tiếng bà là tiếng chính, tiếng ngoại là tiếng phụ) có nghĩa hẹp từ bà  + Từ ghép đẳng lập có các tiếng bình đẳng về mặt ngữ pháp (không phân ra tiếng chính, tiếng phụ). Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa, nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo nên nó  VD: từ quần áo (tiếng quần và áo đẳng lập với nhau về nghĩa) có nghĩa khái quát hơn nghĩa của tiếng quần/ áo  **II. Luyện tập**  **Câu 1** : Từ ghép có trong đoạn trích:  Ăn uống; điều độ; làm việc; chừng mực; thanh niên; cường tráng; lợi hại; nhọn hoắt; thỉnh thoảng; ngọn cỏ  **Câu 2:**  - Các từ ghép đẳng lập được tạo thành từ các tiếng có sẵn:  - Mặt mũi, học hành, dạy dỗ, xinh đẹp, tươi tốt, nhà cửa, trâu bò, áo quần-  **Câu 3:**  Từ ghép | Ngữ văn 7 |

***4. Củng cố:***Nghĩa của từ ghép đẳng lập và nghĩa của từ ghép chính phụ

Ngày giảng: ngày 28 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 4**

**Tiết 8:** **BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức :**

- Tầm quan trọng của bố cục trong văn bản, thế nào là bố cục rành mạch và hợp lí.

- Tính phổ biến và hợp lí của dạng bố cục ba phần, nhiệm vụ của mỗi phần.

**2. Kĩ năng** : - Xây dựng văn bản đầy đủ bố cục ba phần rành mạch và hợp lí.

**3. Thái độ**: Ý thức học tập thường xuyên, nghiêm túc, tích cực.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1:** **Lý thuyết**  - Trình bày kiến thức về bố cục văn bản?  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **Câu 1:** Hãy nêu lại bố cục của văn bản *“Bài học đường đời đầu tiên”*. Có thể kể lại câu chuyện đó theo bố cục khác được không?  **Câu 2:** Xây dựng dàn ý cho bài tập làm văn viết về ngôi trường của em. | - Hs trình bày  - Hs nêu bố cục  - Hs xây dựng | **I. Lý thuyết**  - Văn bản được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có bố cục rõ ràng, thể hiện sự bố trí, sắp xếp các phần, các đoạn theo một trình tự, một hệ thống rành mạch và hợp lí  - Điều kiện để bố cục rành mạch, hợp lí:  + Nội dung các phần, các đoạn phải được thống nhất chặt chẽ với nhau, đồng thời giữa chúng phải có sự phân biệt rạch ròi  + Trình tự sắp xếp phải giúp cho người viết dễ dàng đạt được mục đích giao tiếp đề ra  - Văn bản được xây dựng gồm ba phần: Mở, thân, kết bài  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Bố cục của văn bản: Bài học đường đời đầu tiên:  + Phần 1: Vẻ ngoài và tính cách của Dế Mèn  + Phần 2: Câu chuyện bài học đường đời đầu tiên  **Câu 2:** LậpDàn ý  *Mở bài:* Giới thiệu về ngôi trường của em (tên gọi, năm thành lập, vị trí địa lý)  *Thân bài*:  - Miêu tả khái quát: diện tích, không gian bao quát, đặc điểm nhận dạng ra ngôi trường  - Miêu tả chi tiết: Lớp học, sân trường  + Điểm đặc biệt của lớp học, cách sắp xếp, trang trí lớp học  + Số lượng lớp học, phòng chuyên môn, sân vận động, hội trường…  + Sân trường trong những giờ ra chơi, giờ chào cờ, giờ tập thể dục…  - Truyền thống dạy và học của nhà trường  + Trường đạt được thành tích gì trong giáo dục  + Các thế hệ học trò đóng góp gì cho nhà trường  - Đội ngũ giáo viên giỏi, tận tình, hết lòng vì học sinh  - Học sinh: ngoan ngoãn, chăm chỉ, hiếu học  - Các hoạt động xã hội của nhà trường: từ thiện, tham gia phong trào tình nguyện của thành phố/ địa phương  - Các ngày hội lớn của trường: 20/11; 26/3… thường có nhiều cuộc thi, trò chơi hấp dẫn, bổ ích  - Ngôi trường là niềm tự hào của nhiều thế hệ học trò  *Kết bài:* Nêu tình cảm của em cũng như nhiều thế hệ học trò đối với thầy cô và ngôi trường. |

***4. Củng cố:*** Nêu những yêu cầu về bố cục trong văn bản?

Ngày giảng: ngày 5tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 9:**  **NHỮN G CÂU HÁT VỀ TÌNH CẢM GIA ĐÌNH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh hiểu được

+ Khái niệm về ca dao, dân ca

+ Nắm được nội dung, ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật miêu tả của những bài ca dao về tình cảm gia đình.

+ Thuộc những bài cao dao về tình cảm gia đình

**2. Kĩ năng** :

+ Tìm hiểu và phân tích ca dao

+ Đọc thuộc ca dao, sưu tầm ca dao cùng đề tài.

**3. Thái độ**:

+ Bồi dưỡng tình yêu, lòng kính trọng, sự biết ơn đối với cha mẹ, ông bà.

+ Trân trọng và giữ gìn tình cảm anh em trong sáng, gắn bó

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Khái niệm về dân ca, ca dao?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Bài ca dao là lời của ai nói với ai?nói trong hoàn cảnh nào? Nói về điều gì?  **Câu 2:** Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng ở hai câu đầu?  **Câu 3:** Câu 3 có ý nghĩa như thế nào trong toàn bộ bài ca?  **Câu 4:** Trong bài ca thứ 4, các từ “người xa”, “bác mẹ”,“cùng thân” có nghĩa như thế nào?  **Câu 5:** Câu cuối có ý nghĩa gì? | - Hs nêu khái niệm  - Hs trả lời.  - Hs nêu biện pháp trong bài  - Hs nêu ý nghĩa trong bài ca  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Ca dao - dân ca: là tên gọi chung của các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc diễn tả đời sống nội tâm của con người.  + Dân ca: là những sáng tác, kết hợp lời và nhạc dân gian (VD: quan họ, chèo, ví, hò, hát ru…)  + Ca dao: Là lời thơ của dân ca  - Ngoài ra còn được dùng để chỉ một thể thơ dân gian - thể ca dao.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** - Lời của người mẹ khi ru con, nói với con về công lao của cha mẹ đối với con cái.  **Câu 2:**  - Hai câu đầu: so sánh, ví von.  + Công cha – núi ngất trời.  + Nghĩa mẹ – nước biển đông  - Sự so sánh với những đại lượng khó xác định, chỉ sự lớn lao, vĩnh cửu của tự nhiên -> K/đ công cha và nghĩa mẹ là vô cùng lớn lao và vĩ đại không gì đo đếm được.  + Cha: đàn ông - cứng rắn so sánh với núi  + Mẹ: đàn bà - mềm mại so sánh với nước.  **Câu 3:** Câu 3: Có tính chất chuyển ý, vừa khẳng định nội dung ở câu 1,2 vừa mở ra ý ở câu cuối:  - Câu cuối: Thêm âm điệu nhắn nhủ, tôn kính, tâm tình.  + Cù lao chín chữ: Cụ thể hoá công cha và nghĩa mẹ.  + Ghi lòng: Khắc, tạc trong lòng, suốt đời không bao giờ quên.  **Câu 4:**  - Tĩnh cảm anh em được cắt nghĩa trên những cơ sở:  + Không phải là người xa lại  + Đều cùng cha mẹ sinh ra  + Có quan hệ máu mủ, ruột thịt  **Câu 5:**  - Tình anh em gắn bó đem lại hạnh phúc cho cha mẹ.  - Đó là một cách báo hiếu cha mẹ |

***4. Củng cố:*** bài ca này có ý nghĩa gì?

Ngày giảng: ngày 5 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 5**

**Tiết 10:**

**NHỮN G CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG**

**ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: Học sinh cảm nhận được:

+ Tình yêu thương và niềm tự hào chân thành, tinh tế, sâu sắc của người dân ta trước vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người.

+ Hình thức đối đáp, hỏi mời, nhắn gửi là các phương thức diễn đạt trong ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**2. Kĩ năng** : Cảm nhận, phân tích ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**3. Thái độ**: Yêu quý, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy những nét đẹp của quê hương, đất nước, con người VN.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Giá trị nội dung, nghệ thuật  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Có nhận xét gì về hình thức thể loại bài ca? Nội dung hỏi đáp ỏ bài ca này là gì?  **Câu 2:** Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp này? Những địa danh đó có những đặc điểm riêng và chung nào?  **Câu 3:** Ở 2 câu đầu tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Tác dụng?  **Câu 4:** Hai câu cuối tả ai?  Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào để tả : Tác dụng?  **Câu 5:** Cái hay trong bài ca dao trên là điểm nào? | - Hs nêu giá trị  - Hs nhận xét  - Hs nêu đặc điểm riêng và chung  - Hs trả lời  - Hs nêu tác dụng  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a. Giá trị nội dung*  “Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người” thường gợi nhiều hơn tả, hay nhắc đến tên núi, tên sông, tên vùng đất với những nét đặc sắc về hình thể, cảnh trí, lịch sử, văn hóa của từng địa danh. Đằng sau những câu hỏi, lời đáp, lời mời, lời nhắn gửi và các bức tranh phong cảnh là tình yêu chân chất, tinh tế và lòng tự hào đối với con người và quê hương, đất nước.  *b. Giá trị nghệ thuật*  - Sử dụng thể thơ lục bát, lục bát biến thể  - Sử dụng hình thức đối đáp, ướm hỏi quen thuộc trong ca dao  - Hình ảnh so sánh, ẩn dụ, ước lệ, tượng trưng,...  - Các địa danh gần gũi, nổi tiếng,..  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Thể loại hỏi đáp, thường gặp trong ca dao trữ tình dao duyên cổ truyền VN  - Nội dung hỏi đáp: Những địa danh của quê hương, đất nước: Năm cửa ô Hà Nội  **Câu 2:**  - Sông Lục Đầu, Sông thương, núi Tản Viên, đền Thanh Hoá, Lạng Sơn  + Điểm riêng: Gắn với những địa phương  + Điểm chung: Đều là những nơi nổi tiếng về lịch sử, văn hoá của miền Bắc nước ta.  - Chàng trai, cô gái hỏi đáp về địa danh:  -> Thử thách trí thông minh  -> Vui chơi, giao lưu tình cảm  -> Thể hiện sự yêu quí, tự hào về qhương, đ/nước.  **Câu 3:**  - Các điệp ngữ, đảo ngữ, phép đối xứng.  + Đứng bên ni đồng - đứng bên tê đông  + Mênh mông bát ngát - bát ngát mênh mông.  -> Nhấn mạnh sự hoán đổi điểm nhìn của người miêu tả, dù ở phía nào. cũng thấy rõ cái mênh mông, rộng lớn của cánh đồng và sự trù phú, đầy sức sống của cánh đồng.  **Câu 4:**  - Tả người trong cảnh  - Biện pháp so sánh:  + Cô gái s/sánh với “Chẽn lúa đòng đòng”, “Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”.  -> Sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân:  **Câu 5:**  Mô típ quen thuộc: “thân em”  + Trong tiếng hát than thân: Tâm trạng buồn bã, than thở, lo lắng cho số kiếp của mình.  + Trong bài này: Tâm trạng hồn nhiên, trẻ trung, phơi phới, trong sạch, tràn trề và rất mực duyên dáng.  -> Ở hai câu đầu ta chỉ thấy cánh đồng bao la, chưa thấy cái hồn của cảnh.  - Đến 2 dòng cuối hồn trong cảnh được hiện lên - con người- cô thôn nữ mảnh mai, trẻ trung, nhiều duyên thầm và đầy sức sống. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài học này như thế nào?

Ngày giảng: ngày 12 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

**Tiết 11:** **TỪ LÁY**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh

+ Nắm được cấu tạo của 2 loại từ láy: láy toàn bộ và láy bộ phận

+ Hiểu cơ chế tạo nghĩa của từ láy TV

**2. Kĩ năng**:

- Sử dụng từ láy tốt, đạt hiệu quả.

- Phân tích hiệu qủa ngthuật của từ láy trong tác phẩm văn họ

**3. Thái độ**: Có ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Tìm hiểu các loại từ láy?  **Câu 2:** Nghĩa của từ láy?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: (Bài tập 1 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 30 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 2:**Bài tập 3 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 31 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 3**: Bài tập 4 trang 43 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 32 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1) | - Hs ôn tập  - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs làm bài tập  - Hs đặt câu  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Từ láy đăm đăm có các tiếng lặp lại nhau hoàn toàn. Từ láy mếu máo: Sự giống nhau về phụ âm đầu giữa các tiếng. Từ láy liêu xiêu có sự giống nhau về vần giữa các tiếng.  - Dựa vào kết quả phân tích trên, từ láy được phân làm hai loại: Từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận  **Câu 2:SGK**  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Các từ láy trong đoạn văn này: bần bật, thăm thẳm, nức nở, tức tưởi, rón rén, lặng lẽ, thược dược, rực rỡ, nhảy nhót, chiêm chiếp, ríu ran.  - Phân loại:   |  |  | | --- | --- | | Từ láy toàn bộ | Bần bật, thăm thẳm, chiêm chiếp | | Từ láy bô phận | Nức nở, tức tưởi, rón rén, thược dược, rực rõ nhảy nhót, ríu ran |   **Câu 2:**  - nhẹ nhàng, nhẹ nhõm:  a. Bà mẹ nhẹ nhàng khuyên bảo con.  b. Làm xong công việc, nó thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng.  - xấu xí, xấu xa:  a. Mọi người đều căm phẫn hành động xấu xa của tên phản bội.  b. Bức tranh của nó vẽ nguệch ngoạc, xấu xí.  - tan tành, tan tác:  a. Chiếc lọ rơi xuống đất, vỡ tan tành.  b. Giặc đến, dân làng tan tác mỗi người một ngả  **Câu 3**   |  |  | | --- | --- | | Từ | Câu chứa từ đã cho | | Nhỏ nhắn | Bạn ấy có vóc người nhỏ nhắn và rất xinh xắn | | Nhỏ nhặt | Anh ta luôn tức giận với mọi người vì những điều nhỏ nhặt | | Nhỏ nhẻ | Chị tôi làm gì cũng nhỏ nhẻ không vội vàng, hấp tấp bao giờ | |

***4. Củng cố:***Nghĩa của từ láy

Ngày giảng: ngày 12 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 6**

**Tiết 12:**

**NHỮNG CÂU HÁT THAN THÂN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được nội dung ý nghĩa và một số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của những bài ca dao thuộc chủ đề than thân.

- Tích hợp với Tiếng Việt ở khái niệm đại từ, với phần Tập làm văn ở quy trình để tạo lập văn bản..

**2. Kĩ năng** : Đọc diễn cảm và phân tích cảm xúc trong thơ trữ tình.

**3. Thái độ**: Cảm thông với những số phận vất vả, bất hạnh đáng thương, thái độ học tập tích cực

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Giá trị nội dung, nghệ thuật?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cuộc đời lận đận, vất vả của cò được diễn tả như thế nào? Ngoài nội dung than thân, bài ca dao này còn có nội dung nào khác?  **Câu 2:** Em hiểu cụm từ “thương thay” như thế nào? Hãy chỉ ra những ý nghĩa của sự lặp lại cụm từ này trong bài 2?  **Câu 3:** Phân tích những nỗi thương thân của người lao động qua các hình ảnh ẩn dụ trong bài 2? | - Hs nêu giá trị  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a. Giá trị nội dung*  Những câu hát than thân có số lượng lớn và rất tiêu biểu trong kho tàng ca dao, dân ca Việt Nam. Ngoài ý nghĩa than thân, đồng cảm với cuộc đời nghèo khổ, cay đắng của người lao động, những câu hát này còn có ý nghĩa phản kháng, tố cáo xã hội phong kiến  *b. Giá trị nghệ thuật*  - Thể thơ lục bát  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Dùng phương pháp ẩn dụ, dùng hình ảnh con cò để nói về cuộc đời con người và sử dụng rất nhiều biện pháp nghệ thuật khác.  - Từ láy "lận đận" và thành ngữ "lên thác xuống ghềnh" làm cho nỗi cơ cực và vất vả của cuộc đời cò tăng lên gấp bội lần.  - Biện pháp đối lập: Đây là đặc trưng nổi bật của bài ca dao này, xuất hiện ở cả 4 dòng thơ.  + Nước non >< một mình đối lập giữa cái mênh mông rộng lớn và cái nhỏ bé cô đơn, lẻ loi của thân cò.  + Thân cò >< thác ghềnh; lên >< xuống đối lập giữa cái nhỏ bé yếu ớt của thân cò và sự dữ dội khốc liệt của thiên nhiên.  + Bể kia đầy >< ao kia cạn thái cực của tạo hóa đầy – vơi. Bể kia đã rộng lại còn đầy, còn chiếc ao kia nơi cò kiếm ăn hằng ngày đã bé lại còn cạn.  - Câu hỏi tu từ (hai câu cuối) là lời than thở của thân cò – lời than, lời hỏi không có lời giải đáp.  \* Nội dung than thân phản kháng:  - Than thân: Người nông đã dùng hình ảnh thân cò để nói lên sự đắng cay, cơ cực, vất vả, gian truân của cuộc đời mình.  - Phản kháng: Câu hỏi tu từ ở cuối bài ca dao còn thể hiện thái độ bất bình phản kháng đối với kẻ đã làm cho người nông dân phải lận đận, lên thác, xuống ghềnh. Ai ở đây chính là giai cấp phong kiến, thống trị lúc bấy giờ  **Câu 2:**  - Nội dung bài 2 là lời của người lao động tỏ sự đồng cảm đối với những người cùng khổ. 'Thương thay” là tiếng than biểu hiện sự thương cảm, xót xa.  Từ “thương thay” được lặp lại bốn lần mang nhiều sắc thái ý nghĩa:  - Mỗi lần lặp lại là một nỗi xót thương đối với những người lao động nghèo khổ, đó cũng là lời than vãn cho thân phận mình. Mỗi lần lặp lại “thương thay” dường như nỗi xót thương ấy thêm thấm sâu tận tấm lòng.  - Sự lặp lại từ này nhiều lần còn bao hàm ý nghĩa rộng hơn: Nỗi xót cho tất cả những người dân thấp cổ bé họng phải chịu nhiều oan ức.  **Câu 3:**  - Nhận xét chung: Hình ảnh nhưng con vật nhỏ bé, bèo bọt: "con tằm", "lũ kiến", "chim hạc", "con cuốc" dùng để ẩn dụ về cuộc đời cơ cực, nhọc nhằn của người lao động.  - Hình ảnh cụ thể.  + "Con tằm": Tằm ăn lá dâu, rồi từ ruột nó, người ra lấy ra những sợi tơ vàng làm nên những tấm vải rất đẹp, rất quý, tơ bị rút hết thì mạng sống của tằm cũng chấm dứt  ⟹ Hình ảnh con tằm là ẩn dụ về người lao động bị giai cấp thống trị bóc lột, bòn sút sức lao động cạn kiệt đến tận gan ruột, đến chết để làm giàu cho chúng.  + "Lũ kiến": - hàm nghĩa chỉ số đông – "li ti" rất bé nhỏ, thường bị coi thường, chẳng đáng gì. Bé thế ăn chẳng là bao, thế mà suốt ngày đi kiếm ăn  ⟹ Đó là hình ảnh ẩn dụ về những người lao động thấp cổ bé họng trong xã hội cũ suốt đời suốt kiếp nai lưng quần quật làm việc vất vả ngược xuôi mà vẫn không đủ sống, vẫn cứ đói nghèo.  + "Chim hạc" cánh chim bay mỏi không có nơi đứng.  ⟹ Hình ảnh ẩn dụ nói về cuộc đời phiêu bạt và những cố gắng vô vọng của người lao động trong xã hội cũ. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ chung của em về những bài ca dao trên?

Ngày giảng: ngày 19 tháng 9 năm 2020

**TUẦN 7**

**Tiết 13:** **ĐẠI TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh

+ Thế nào là đại từ (bản chất khái niệm) và các loại đại từ Tiếng Việt.

+ Tích hợp với các văn bản và bài TLV có kiến thức liên quan.

**2. Kĩ năng**:

- Cách sử dụng chính xác và linh hoạt các đại từ trong nói và viết.

**3. Thái độ**: Yêu quí và trân trọng sự trong sáng của TV.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là đại từ?  **Câu 2:** Hãy phân loai đại từ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Em hãy lấy ví dụ và so sánh về đại từ xưng hô trong tiếng Anh và tiếng Việt, hoặc tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác  **Câu 2:**Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :  a) Tôi đang học bài thì Nam đến.  b) Người được nhà trường biểu dương là tôi.  c) Cả nhà rất yêu quý tôi.  d) Anh chị tôi đều học giỏi.  e) Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.  **Câu 3**:Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau, nói rõ thay thế cho từ ngữ nào :  Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc:  - Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? (câu 1)  - Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2)  - Tớ cũng thế (câu 3) | - Hs trình bày khái niệm  - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs xác định  - Hs tìm đại từ | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Đại từ là các từ ngữ được dùng để xưng hô hay dùng để thay thế các danh từ, động từ, tính từ hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ trong câu, với mục đích tránh lặp lại các từ ngữ nhiều lần.  **Câu 2:**  – Đại từ nhân xưng (dùng để xưng hô), dùng chỉ ngôi, đại diện hay thay thế cho danh từ. Gồm có 3 ngôi:  + Trong ngôi thứ nhất (chỉ người nói): tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,…  + Trong ngôi thứ hai (chỉ người nghe): cậu, các cậu, …  + Trong ngôi thứ ba (chỉ người không có trong giao tiếp nhưng được nhắc đến trong giao tiếp): họ, hắn, bọn nó, chúng nó,…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Đại từ trong tiếng Việt và tiếng Anh khác nhau.  - Trong tiếng Anh đại từ nhân xưng biểu thị một phạm trù ngữ pháp của ngôi mà hệ thống từ này trong tiếng Anh, tạo các hình thái I, you, he, she, it, they và các biến thể như me, mine, yours, him…  - Ngược lại, tiếng Việt đa dạng về đại từ nhân xưng, đại từ nhân xưng trong tiếng Việt còn thể hiện cảm xúc, thái độ, vai vế của người nói với người nghe  - Các đại từ: anh, tôi, cháu, bác, ông, bà…  **Câu 2:**  a) Chủ ngữ.  b) Vị ngữ.  c) Bổ ngữ.  d) Định ngữ.  e) Trạng ngữ  **Câu 3**  - Câu 1: từ bạn thay thế cho từ Bắc.  - Câu 2: tớ thay thế cho Bắc ,cậu thay thế cho Nam.  - Câu 3 : tớ thay thế cho Nam, thế thay thế cụm từ được điể |

***4. Củng cố:***Có mấy loại đại từ? Lấy ví dụ nhanh cho từng loại?

Ngày giảng: ngày 19 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 7**

**Tiết 14:**

**SÔNG NÚI NƯỚC NAM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

- Bước đầu hiểu đặc điểm thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

**2. Kĩ năng** : Đọc, tìm hiểu các thể thơ Đường luật.

**3. Thái độ**: Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Chia bố cục bài thơ nêu nội dung từng ?  **Câu 2:** Từ đó, lời thơ Nam đế cư có ý xác định nơi ở của vua nước Nam; hay nơi thuộc chủ quyền của nước Việt Nam?  **Câu 3:** Câu thơ thứ hai khẳng định rõ điều gì?  **Câu 4:** Nội dung câu thơ thứ 3?Câu hỏi nhưng có phải để hỏi k? Mục đích?  **Câu 5:** Thái độ của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu cuối? | - Hs trình bày  - Hs chia bố cục  - Hs xác định  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Tác giả: Chưa rõ.  - Tác phẩm:  + Sáng tác trong cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1077), đọc ở miếu thần trên phòng tuyến Như Nguyệt ( nam sông Cầu).  + Động viên tinh thần tướng sĩ và làm quân địch hoang mang, khiếp sợ.  + Được coi là bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc ta.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Hai câu đầu: Nước Nam là của ngưòi Nam.Điều đó đã được sách trời định sẵn, rõ ràng.  - Hai câu cuối: Kẻ thù không được xâm phạm, nếu xâm phạm sẽ chuốc lấy bại vong.  **Câu 2:**  Nam đế cư: Nơi ở của vua nước Nam, xử lí mọi công việc của nước Nam là vua nước Nam. Nơi thuộc chủ quyền của người Việt vì vua gắn với nước.  **Câu 3:**  - Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi.  **Câu 4:**  - Là câu hỏi, hướng về bọn giặc ngông cuồng.  - Là lời cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa, vô đạo lý của phong kiến phương Bắc.  **Câu 5:**  Hai câu cuối là lời cảnh báo đanh thép, kiên quyết thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng để giữ vừng nền độc lập, tự do của Tổ quốc - Khẳng định vững chắc chủ quyền độc lập và bình đẳng của dân tộc ta  - Khẳng định quyết tâm sắt đá: sẽ đập tan mọi âm mưu, hành động liều lĩnh của bất kì kẻ xâm lược ngông cuồng nào, cho dù chúng tàn bạo, nham hiểm và mạnh đến đâu. |

***4. Củng cố:*** Ngoài bài Nam quốc sơn hà, em còn biết những văn bản nào khác được coi là tuyên ngôn độc lập của nước ta? Hãy kể tên?

Ngày giảng: ngày 26 tháng 10 năm 2020

**TUẦN 8**

**Tiết 15,16:** **TỪ HÁN VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ Hán Việt, yếu tố Hán Việt

- Các loại từ ghép Hán Việt

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết từ Hán Việt, các loại từ ghép Hán Việt

- Mở rộng vốn từ Hán Việt

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng từ Hán Việt hợp lý trong giao tiếp, giữ gìn, phát huy sự giàu đẹp của Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là từ Hán Việt?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**:  - Tìm nghĩa của từ “đồng” trong nhóm từ sau: đồng nghiệp, đồng môn, đồng hương, đồng niên  - Tìm nghĩa của từ “mĩ” trong nhóm từ sau: hoa mĩ, mĩ lệ, mĩ thuật, hoàn mĩ  - Tìm nghĩa của từ “thi” trong nhóm từ: thi gia, thi nhân, đường thi, cổ thi  **Câu 2:**Xếp các từ sau: cao nhân, chiến thắng, thi gia, phát thanh, bí mật, gia tài, đồng đẳng, tân binh, thư sinh và nhóm thích hợp  - Từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau  - Từ có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau  **Câu 3:** Tìm và giải thích nghĩa của các từ Hán Việt có trong đoạn trích dưới đây, và xác định sắc thái nghĩa của chúng.  Thái bình tu trí lực  Vạn cổ thử giang san  **Câu 4**: Tìm từ ghép có chứa yếu tố Hán Việt: quốc, sơn, cư, bại?  **Câu 5:** Xếp các từ Hán Việt vào các nhóm thích hơp? | - Hs trình bày  - Hs tìm  - Hs xếp vào nhóm thích hợp  - Hs tìm và giải thích từ Hán Việt  - Hs tìm từ ghép  - Hs xếp các từ Hán Việt | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  - Trong tiếng Việt có số lượng lớn các từ Hán Việt. Tiếng cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.  + Phần lớn các yếu tố Hán Việt được kết hợp tạo thành từ ghép, cũng có một số trường hợp được dùng độc lập như một từ.  - Cũng như từ ghép thuần Việt, từ ghép Hán Việt có hai loại chính: từ ghép đẳng lập và chính phụ  Trật tự của các yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt:  + Có trường hợp giống với trật tự từ ghép thuần Việt: yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau  + Có trường hợp khác với trật tự từ ghép thuần Việt: yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau  - Từ Hán Việt mang sắc thái:  + Trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính  + Tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ  + Cổ kính, phù hợp với xã hội xưa  - Khi nói hoặc viết, không nên lạm dụng từ Hán Việt, làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Từ “đồng” mang nghĩa cùng  - Từ “mĩ” mang nghĩa đẹp  - Từ “thi” mang nghĩa thơ  **Câu 2:**  - Các từ Hán Việt có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau: thi gia, gia tài, đồng đẳng, tân binh, thư sinh  - Các từ Hán Việt có yếu tố chính đứng sau: cao nhân, chiến thắng, phát thanh, bí mật  **Câu 3:**  - Nghĩa từ thái bình: (đất nước, đời sống) yên ổn, êm ấm, không có loạn lạc, chiến tranh.  - Nghĩa từ trí lực: năng lực về trí tuệ  - Nghĩa từ giang san: chỉ đất nước, quốc gia, dân tộc  - Các từ Hán Việt ở trên đều có nghĩa trang trọng, với ý nghĩa tích cực.  **Câu 4**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép**  **Hán Việt** | | Quốc | Quốc gia, cường quốc, quốc kì, quốc vượng, quốc tế… | | Sơn | Giang sơn, sơn hà, sơn nam, thanh sơn, hồng sơn,.. | | Cư | Cư trú, dân cư, di cư, tản cư, định cư, ngụ cư… | | Bại | Thất bại, chiến bại, đại bại, thảm bại… |   **Câu 5:**   |  |  | | --- | --- | | **Thứ tự** | **Từ ghép Hán Việt** | | Chình trước, phụ sau | Hữu ích, phát thanh, bảo mật, phóng hỏa | | Phụ trước, chính sau | Thi nhân, đại thắng, tân binh, hậu đài | |

***4. Củng cố:***Từ ghép Hán Việt có mấy loại chính?

Ngày giảng: ngày 2 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

**Tiết 17:**

**BÁNH TRÔI NƯỚC**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**: HS cảm nhận và hiểu được:

- Trong văn bản “ Bánh trôi nước” :

- Vẻ đẹp, bản lĩnh sắt son, thân phận chìm nổi của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Lên án tư tưởng “trọng nam khinh nữ

**2. Kĩ năng** : Đọc hiểu, cảm nhận, phân tích thơ trung đại.

**3. Thái độ**:

- Cảm thông với nổi khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Tinh thần yêu chuộng hoà bình.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Nêu vài nét tiêu biểu về tác giả Hồ Xuân Hương?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Hình ảnh bánh trôi nước gợi cho em liên tưởng đến hình ảnh nào trong xã hội xưa?  **Câu 2:** Bài thơ miêu tả về chiếc bánh trôi ntn? Chi tiết được chọn ntn?Cách miêu tả và giới thiệu có theo trình tự nào không?  **Câu 3:** Ở lớp nghĩa thứ hai, hình ảnh bánh trôi nước đã bộc lộ được điều gì và bộc lộ như thế nào?  **Câu 4:** Em hiểu ntn về cụm từ tay kẻ nặn ở câu 3?  **Câu 5:** Bài thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật như thế nào? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs liên tưởng trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - hs nêu giá trị bài thơ | **I. Lý thuyết**  - Hồ Xuân Hương (lai lịch chưa thật rõ)  - Từng sống ở phường Khán Xuân - Hồ Tây - HN  - Được mệnh danh: Bà Chúa Thơ Nôm  - Thơ bà có giọng điệu táo bạo, sắc sảo và có giá trị nhân đạo sâu sắc.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Bài thơ có 2 lớp nghĩa:  + Nghĩa 1: nghĩa đen: nói về bánh trôi nước  + Nghĩa 2: nghĩa bóng: thân phận, phẩm chất của người phụ nữ.  **Câu 2:**  - Hình ảnh cái bánh trôi: hình thức và cách làm bánh:  - Bánh có màu trắng của bột hình tròn.  - Cách nặn bánh (rắn, nát)  - Cách luộc bánh (bảy nổi ba chìm)  - Nhân bánh (màu đỏ)  => Chi tiết chọn lọc, hình ảnh cái bánh trôi hiện lên khá cụ thể như ở ngoài đời.  => Nhưng trình tự không hợp lí: tả bánh => luộc bánh => nặn bánh => nhân bánh: Không chỉ đơn thuần là cung cấp những thông tin về cái bánh trôi mà còn gợi lên sự liên tưởng về phẩm chất, thân phận  **Câu 3:**  - Phẩm chất, thân phận người phụ nữ.  + Hình thức: Vừa trắng lại vừa tròn: Điệp từ vừa -> Xinh đẹp, thân hình đầy đặn, trắng trẻo, căng tràn nhựa sống. -> Tự giới thiệu nhan sắc một cách mạnh bạo, tự tin, đầy tự hào, kiêu hãnh.  + Thân phận: Bảy nổi ba chìm: (thành ngữ được đảo ngược): Chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời, bị xã hội định đoạt số phận.  **Câu 4:**  - Tay kẻ nặn: chế độ nam quyền, xã hội PK.  -> Phản ánh thân phận của người phụ nữ không được làm chủ cuộc đời mình, may rủi phụ thuộc vào người khác, do người khác quyết định.  **Câu 5:**  - Nghĩa bóng là chính. Nghĩa đen chỉ là phương tiện truyền tải, biểu đạt nghĩa bóng của bài thơ có giá trị tư tưởng lớn |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ của em sau khi học xong 2 văn bản thơ?

Ngày giảng: ngày 2 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 9**

**Tiết 18:** **QUAN HỆ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm quan hệ từ; ý nghĩa tác dụng của quan hệ từ.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận diện, sử dụng quan hệ từ trong khi nói và viết

**3. Thái độ**: Ý thức ham học hỏi, ý thức giữ gìn sự trong sáng trong Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Thế nào là quan hệ từ?  **Câu 2:** Sử dụng quan hệ từ  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Đặt câu hỏi với các quan hệ từ:  - Nếu …..thì…  - Vì …nên….  - Tuy… nhưng…  - Hễ …. thì…  - Sở dĩ … là vì…  **Câu 2:**Bài 1 (trang 98 sgk ngữ văn 7 tập 1)  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng quan hệ từ. Gạch chân dưới quan hệ từ trong đoạn văn đó? | - Hs trình bày  - Hs trình bày  - Hs tìm các quan hệ từ  - Hs viết đoạn văn | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  Quan hệ từ là những từ dùng để biểu thị các ý nghĩa quan hệ như sở hữu, so sánh, nhân quả,… giữa các bộ phận của các câu hay giữa câu với câu trong đoạn văn  **Câu 2**  - Có trường hợp bắt buộc phải dùng quan hệ từ. Đó là những trường hợp nếu không có quan hệ từ thì câu văn sẽ đổi nghĩa hoặc không rõ nghĩa  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Nếu trời mưa thì chúng ta không đi du lịch.  - Vì lười học nên anh phải lưu ban.  - Tuy nhà xa nhưng Nam luôn đi học đúng giờ.  - Hễ gió thổ mạnh thì diều bay cao  - Sở dĩ nó trượt vì nó chủ quan  **Câu 2:**  Các quan hệ từ trong bài Cổng trường mở ra: vào, của, với, như, trên, như, mà, và, nhưng, của, trong, cho  **Câu 3:**Gợi ý:  - Nội dung: Miêu tả cảnh làng quê khi chiều về.  “Khi bóng chiều đổ xuống cũng là lúc những chú bé mục đồng dẫn trâu trở về làng. Từng đàn trâu nối nhau bước đi trên con đê xanh mướt cỏ. Tiếng sáo du dương bay khắp không gian. Phía xa xa, trên bầu trời, đàn cò trắng bay về tổ sau một ngày kiếm ăn vất vả. Cảnh vật làng quê nhuốm màu hoàng hôn trông thật mờ ảo và đẹp tựa như một bức tranh của một họa sĩ nổi tiếng nào đó”  - Các quan hệ từ: khi, và, như, của |

***4. Củng cố:***Ý nghĩa của các quan hệ từ?

Ngày giảng: ngày 9 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

**Tiết 19:**

**QUA ĐÈO NGANG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hình dung được cảnh tượng Đèo Ngang và tâm trạng cô đơn của Bà Huyện Thanh Quan.

- Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.

- Đặc điểm tiêu biểu của thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật

**2. Kĩ năng** : - Đọc, cảm nhận, tìm hiểu về thể thơ thất ngôn bát cú đường luật

**3. Thái độ**:

- Yêu cảnh thiên nhiên đẹp.

- Yêu quý và trân trọng những tấm lòng yêu nước

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Nêu những hiểu biết của em về Bà Huyện Thanh Quan và tác phẩm?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảnh tượng Đèo Ngang được miêu tả trong thời gian, thời điểm nào trong ngày? Thời gian đó gợi lên nỗi niềm gì?  **Câu 2:** Nếu ta đảo 2 câu thơ thành: Vài chú tiều lom khom dưới núi/ Mấy nhà chợ lác đác bên sông thì ý nghĩa thay đổi như thế nào?  **Câu 3:** Em nhận xét gì giữa 2 từ đầu và cuối 2 câu thơ?  **Câu 4:** Ở hai câu cuối tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó trong việc diễn tả tâm trạng của nhà thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nêu tác dụng của các biện pháp | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả:  - Bà Huyện Thanh Quan: Tên thật là Nguyễn Thị Hinh sống vào đầu thế kỉ XIX.  Quê : Nghi Tàm – Tây Hồ – Hà Nội  - Là một trong ba nhà thơ nữ nổi tiếng nhất ở thế kỉ XVIII – XIX.  \* Tác phẩm: Qua Đèo Ngang  - Là một trong số bài thơ còn sót lại của bà.  - Có thể được viết khi bà trên đường vào kinh thành Huế nhận chức.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Hai câu đề:  " Bước tới... chen hoa"  - Không gian: cảnh Đèo Ngang.  - Thời gian nghệ thuật: lúc xế tà (đã về chiều) => gợi buồn, nhớ làm tăng thêm nỗi cô đơn trong lòng tác giả trên đường lữ thứ tha hương.  - Cảnh vật:cỏ cây, lá, đá, hoa  => Động từ “ chen’’ điệp 2 lần gợi sức sống cỏ cây ở một nơi hoang dã, vô trật tự, hoang vu  **Câu 2:**  - "Lom khom dưới núi tiều vài chú  Lác đác bên sông chợ mấy nhà"  - Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lặp cú pháp  => Nhấn mạnh tính chất đặc điểm của con người và cảnh vật.  - Sử dụng các từ láy: Lom khom, lác đác tạo ấn tượng người trong cảnh, cảnh trong cảnh thêm nổi bật: Sự mờ xa, hun hút, thưa thớt  tăng sự mênh mông, lặng lẽ, hoang vắng của cảnh vật -> cảm giác buồn như thấm sâu vào lòng người xa xứ.  - Cảm xúc buồn, thiếu sức sống trước cảnh hoang vắng, heo hút, buồn hoang sơ nơi con đèo xa xôi lúc chiều tà..  => Nhưng trình tự không hợp lí: tả bánh => luộc bánh => nặn bánh => nhân bánh: Không chỉ đơn thuần là cung cấp những thông tin về cái bánh trôi mà còn gợi lên sự liên tưởng về phẩm chất, thân phận  **Câu 3:**  - Nhớ nước đau lòng con quốc quốc  Thương nhà mỏi miệng cái gia gia  Nghệ thuật đối, đảo ngữ, lấy động tả tĩnh, đồng âm, ẩn dụ tượng trrưng.  -> Nhấn mạnh tâm trạng của tác giả:  + Tiếng chim quốc –> nhớ nước  + Tiếng chim đa –> nhớ nhà  ( Quốc= nước / Nhớ nước  Gia = nhà / Thương nhà)  **Câu 4:**  - Biện pháp đối ý: Trời, non, nước (thiên nhiên rợn ngợp, mênh mông, lớn lao) >< một mảnh tình riêng (thế giới nội tâm của cá nhân nhân vật trữ tình: buồn, cô đơn).  => Cực tả nỗi buồn, cô đơn, xa vắng của người lữ khách đứng trên đỉnh đèo.  + Cụm từ “ta với ta”: tuy 2 mà 1, chỉ để nói một người, một nỗi buồn, một nỗi cô đơn không ai sẻ chia.  => Hình ảnh một người phụ nữ nhỏ bé, cô đơn giữa đất trời bao la.  Hai câu cuối cực tả tâm trạng cô đơn, buồn đau, nhớ tiếc quá khứ, nỗi thương nước nhớ nhà của cá nhân tác giả. |

***4. Củng cố:*** Cảm nghĩ sau khi học xong bài thơ này?

Ngày giảng: ngày 9 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 10**

**Tiết 20:**

**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tình cảm bạn bè đậm đàm, thắm thiết, hồn nhiên của Nguyễn Khuyến. và bức tranh quê đậm đà hương sắc VN.

- Nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ.

**2. Kĩ năng** : Đọc diễn cảm và phân tích bài thơ “Thất ngôn bát cú”

**3. Thái độ**:

- Quý mến bạn bè, động viên, giúp đỡ, chia ngọt sẻ bùi với bạn bè thân thiết

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Em biết gì về tác giả Nguyễn Khuyến và tác phẩm Bạn đến chơi nhà?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Câu thơ mở đầu nói về việc gì? Em có nhận xét gì về giọng điệu câu này?  **Câu 2:** Thực tế Nguyễn Khuyến đã tiếp bạn trong hoàn cảnh nào?  **Câu 3:** Qua hình ảnh và giọng điệu thơ như vậy tác giả đã nói lên điều gì?  **Câu 4:** Thông qua câu cuối và 6 câu trên em có nhận xét gì về tình bạn của Nguyễn Khuyến? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs trả lời  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  *a. Tác giả:*  + Nguyễn Khuyến (1835- 1909), quê: Thôn Vị Hạ - xã Yên Đổ (nay thuộc Trung Lương – Bình Lục- Hà Nam)  + Ông đỗ cả ba kỳ thi: Thi Hương, thi Hội, thi Đình => Tam nguyên Yên Đổ  + Ông là nhà thơ lớn của dân tộc.  + Phong cách thơ: nhẹ nhàng, thâm thuý và sâu sắc.  + Đề tài trong thơ: Thiên nhiên  *b. Tác phẩm:*  - Bài thơ là một trong những bài thơ tiểu biểu cho đề tài viết về tình bạn của nhà thơ Ng Khuyến.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  " Đã bấy lâu nay, bác tới nhà"  - Lời chào bạn về cuộc đến chơi của bạn.  - Giọng thơ: hồ hởi, phấn chấn, giọng như một tiếng reo vui của tác giả.  - Cách gọi: “bác” thể hiện sự kính trọng và tình cảm thân thiết giữa 2 người.  => Đó là tình bạn thân thiết, quý mến nhưng lại ít được gặp nhau.  **Câu 2:**  Hoàn cảnh tiếp bạn:  - Trẻ đi vắng => không có người để sai hầu hạ, tiếp khách.  - Chợ : xa  - Cá : ao sâu, nhiều nước  - Gà: vườn rộng, rào thưa  - Có cải, bầu, mướp, nụ: chưa đến độ ăn được.  - Miếng trầu không có  **Câu 3:**  - Tác giả sử dụng cách nói có phần phóng đại cho thấy sự “không may” nói cho vui thể hiện sự quý mến bạn, tạo nụ cười hóm hỉnh, thân mật.  => Nguyễn Khuyến muốn tiếp đãi bạn chu đáo nhưng lại không có gì để tiếp. - Qua đó cũng thể hiện:  + Sự thanh bần, đạm bạc của Nguyễn Khuyến  + Sự hóm hỉnh hài hước, yêu đời của tác giả.  + Nguyễn Khuyến yêu bạn bằng tình bạn dân dã, chất phác; ông coi trọng tình nghĩa hơn vật chất, tin vào sự cao cả của tình bạn.  =>K/Đ: Đó là một tình bạn sâu sắc, trong sáng  **Câu 4:**  Khẳng định: Tình bạn cao cả hơn vật chất, vật chất không đầy đủ, thậm chí không có gì thì bạn bè vẫn yêu mến, vẫn vui vẻ khi gặp gỡ. |

***4. Củng cố:*** - Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ này?

Ngày giảng: ngày 16 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

**Tiết 21:** **CHỮA LỖI QUAN HỆ TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm quan hệ từ; ý nghĩa tác dụng của quan hệ từ.

- Củng cố khái niệm về quan hệ từ.

- Thấy rõ các lỗi thường gặp về quan hệ từ.

**2. Kĩ năng**:

Sử dụng quan hệ từ trong khi nói và viết .

**3. Thái độ**: Ý thức học tập thường xuyên sử dụng đúng ngôn ngữ Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Các lỗi thường gặp về quan hệ từ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1:** (Bài tập 2 trang 107 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 2** (Bài tập 3 trang 108 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1):  **Câu 3:** (Bài tập 4 trang 108 SGK Ngữ Văn 7 Tập 1 - trang 85 VBT Ngữ Văn 7 Tập 1) | - Hs trình bày  - Hs thực hiện bài tập  - Hs chữa lỗi  - Hs làm bài tập | **I. Lý thuyết**  Trong việc sử dụng quan hệ từ cần tránh lỗi sau:  - Thiếu quan hệ từ  - Dùng quan hệ từ không thích hợp về nghĩa  - Thừa quan hệ từ  - Dùng quan hệ từ mà không có tác dụng liên kết.  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  a. Thay với bằng giống với.  b. Thay tuy bằng dù.  c. Thay bằng bằng bởi.  **Câu 2:**  Chữa lại:  - Bản thân em còn nhiều thiếu sót, em hứ  - Câu tục ngữ "Lá lành đùm lá rách" cho em hiểu đạo lí làm người là phải giúp đỡ người khác.  - Bài thơ này đã nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.  Câu 3:  - Quan hệ từ được dùng đúng ở các câu: a, b, d, h.  - Quan hệ từ dùng sai ở các câu: c, e, g, i. |

***4. Củng cố:***Nêu cách sửa lỗi?

Ngày giảng: ngày 16 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 11**

**Tiết 22:** **TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ đồng nghĩa.

- Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn.

**2. Kĩ năng**:Nhận biết, sử dụng từ đồng nghĩa trong khi nói và viết

**3. Thái độ**: Ý thức sử dụng từ đồng nghĩa phù hợp với hoàn cảnh.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ đồng nghĩa?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm các từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau: Nhà thơ, loài người, người xem, người nghe, cùng năm, cùng quê, nước ngoài.  **Câu 2:** Chữa lỗi dùng từ sai trong các ví dụ sau:  - Triển lãm có trình bày nhiều tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng của các họa sĩ nổi tiếng.  - Trong xã hội hiện nay có nhiều người sống ích kỉ, không biết giúp đỡ, bao che cho những người yếu thế.  **Câu 3**: Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ sau:  - Chết, toi, từ trần  - Ăn, chén, xơi  - Vợ, phu nhân | - Hs trình bày  - Hs tìm các từ Hán Việt đồng nghĩa  - Hs tìm  - Hs phân biệt | **I. Lý thuyết**  **-** Từ đồng nghĩa: những từ giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.  - Các từ đồng nghĩa không thể thay thế cho nhau trong mọi trường hợp, khi nói và viết cần chọn các từ đồng nghĩa thể hiện đúng thực tế khách quan, sắc thái biểu cảm.  - Phân loại: đồng nghĩa hoàn toàn và đồng nghĩa không hoàn toàn  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :     |  |  | | --- | --- | | **Từ thuần Việt** | **Từ Hán Việt** | | Nhà thơ | Thi nhân | | Loài người | Nhân loại | | Người xem | Khán giả | | Người nghe | Thính giả | | Cùng năm | Đồng niên | | Cùng quê | Đồng Hương | | Nước ngoài | Ngoại quốc |   **Câu 2:**  - Từ dùng sai từ trình bày, thay bằng từ “trưng bày”  - Từ dùng sai từ bao che, thay bằng từ “bao bọc”  **Câu 3:**  - Chết: sắc thái nghĩa trung tính  + Toi: sắc thái nghĩa suồng sã  + Từ trần: sắc thái nghĩa trang trọng  - Ăn: sắc thái nghĩa trung tính  + Chén: sắc thái nghĩa suồng sã  + Xơi: sắc thái nghĩa trang trọng  - Vợ: sắc thái nghĩa trung tính  + Phu nhân: sắc thái nghĩa trang trọng |

***4. Củng cố:***Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn?

Ngày giảng: ngày 23 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

**Tiết 23:**

**CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TỊNH**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Tình cảm quê hương sâu nặng của nhà thơ.

- Một số đặc điểm nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- Bước đầu thấy được bố cục thường gặp trong một bài thơ tuyệt cú.

**2. Kĩ năng** :

- Luyện khả năng đọc, phân tích thơ ngũ ngôn tứ tuyệt

- Bước đầu so sánh phần âm chữ Hán với bản dịch thơ

**3. Thái độ**:

-Ý thức ham học hỏi,Tình yêu quý gắn bó với quê hương, có ý thức bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  - Em biết gì về tác giả?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Hình ảnh ánh trăng trong đêm thanh tĩnh được hiện lên như thế nào?  **Câu 2:** Nỗi nhớ quê hương của tác giả được hiện lên qua chi tiết hình ảnh nao?  **Câu 3:** Dựa vào bốn động từ nghi (ngỡ là), cử (ngẩng), đê (cúi) và tư (nhớ) để chỉ ra sự thống nhất, liền mạch của suy tư, cảm xúc trong bài thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs phân tích  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Lý Bạch (701 - 762) là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc vào thời nhà Đường. Tự là Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ.  - Thơ ông thường thể hiện một tâm hồn tự do, hào phóng. Hình ảnh trong thơ thường mang tính chất tươi sáng, kì vĩ, ngôn ngữ tự nhiên mà điêu luyện.  - Đề tài: thường viết nhiều và viết hay về chiến tranh, thiên nhiên, tình yêu và tình bạn.  - Lý Bạch sáng tác bài thơ trên khi ông đang ở rất xa quê hương của mình.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Hình ảnh ánh trăng được miêu tả qua:  - Các từ “minh ”, “quang”, “sương”: Ánh trăng trong đêm rất sáng và mở ảo, chiếu xuống mà nhìn là dưới mặt đất đất đang phủ một làn sương mờ ảo.  - Từ “sàng” (giường): Giúp người đọc nhận biết được vị trí ngắm trăng của nhà thơ. Ánh trăng xuyên qua khe cửa, chiếu xuống đầu giường chứng tỏ trăng đêm rất sáng và trời cũng đã khuya rồi. Nhưng lúc này, nhà thơ vẫn còn thức để ngắm trăng - chứng tỏ tâm trạng thao thức, băn khoăn của nhà thơ.  - Từ “nghi” và từ “sương” cùng xuất hiện bổ xung ý nghĩa cho nhau:  “nghi” nghĩa là tưởng như, ngờ như, dường như  “sương”: chỉ màn sương đêm trắng mịt mờ, khiến cảnh vật mờ ảo.  => Ánh trăng chiếu xuống vạn vật trong đêm tối mờ ảo khiến cho nhà thơ không phân biệt được đâu là trăng đâu là màn sương đêm.  - Tâm trạng của nhà thơ:  Đầy ngạc nhiên trước vẻ đẹp của ánh trăng.  Hình ảnh ánh trăng trong con mắt nhà thơ mờ ảo: gợi ra hình ảnh Lý Bạch vừa uống rượu vừa thưởng trăng.  Thể hiện tâm trạng bâng khuâng và nhớ nhung.  => Hai câu đầu khắc họa hình ảnh đêm trăng đầy thơ mộng  **Câu 2:**  - Từ “vọng” được hiểu theo hai cách:  Nhìn ra xa - hành động ngắm trăng của nhà thơ.  Ngóng trông, nhìn về quê hương ở phía xa.  => Từ vọng đã diễn tả nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.  - Lý Bạch đã xây dựng hai hình ảnh đối lập: “cử đầu” - “đê đầu” (ngẩng đầu - cúi đầu) giúp cho câu thơ trở nên đăng đối nhịp nhàng:  Ngẩng đầu: Nhìn về phía ánh trăng đang chiếu sáng khắp mặt đất, cả quê hương của nhà thơ.  Cúi đầu: Nhớ về quê cũ, nhà thơ đang tự nhìn vào nội tâm mình - tự đối mặt với nỗi nhớ quê hương da diết.  - Tình cảm của nhân vật trữ tình được bộc lộ trực tiếp qua từ “tư” (nhớ): nỗi nhớ quê hương sâu đậm.  => Hai câu sau khắc họa tình cảm nhớ thương của nhân vật trữ tình dành cho quê hương  **Câu 3:**  - Bốn động từ cho thấy mạch suy tư, cảm xúc của nhà thơ: Khi bắt gặp ánh trăng, nhà thơ cứ ngỡ đó là màn sương đêm. Rồi ngẩng đầu nhìn lên mới nhận ra đó là trăng chứ không phải sương, để rồi ánh trăng khiến nhà thơ nhớ đến quê hương. Và hành động cuối cùng là cúi xuống giống như là đang kìm nén cảm xúc đang trào dâng trong lòng.  => Hành động gắn liền với tâm trạng của tác giả, góp dẫn diễn tả nỗi nhớ quê hương sâu sắc |

***4. Củng cố:***  Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?

Ngày giảng: ngày 23 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 12**

**Tiết 24:** **TỪ TRÁI NGHĨA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Củng cố và nâng cao kiến thức về từ trái nghĩa.

- Thấy được tác dụng của việc sử dụng các cặp từ trái nghĩa.

**2. Kĩ năng**: - Sử dụng từ trái nghĩa có hiệu quả, đúng mục đích

**3. Thái độ**:

- Có ý thức sử dụng Tiếng Việt chính xác

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ trái nghĩa?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm những từ trái nghĩa trong các câu ca dao, tục ngữ trong SGK?  **Câu 2:** Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:  - Sống dở … dở  - Thất bại là mẹ …  - Một miếng khi … bằng một gói khi no  - Lên thác … ghềnh  - Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy …  - Trước lạ sau …  - Học … quên sau  - Đi ngược về ...  - … nhà rộng bụng  - Anh em như thể chân tay  … đùm bọc … đỡ đần  **Câu 3**: Hãy viết một đoạn văn ngắn về tình cảm quê hương, có sử dụng từ trái nghĩa? | - Hs trình bày  - Hs tìm  - Hs điền từ thích hợp  - Hs viết | **I. Lý thuyết**  **-** Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau  - Từ trái nghĩa được sử dụng trong thế dối, tạo các hình tượng tương phản gây ấn tượng mạnh mẽ làm cho lời nói thêm sinh động.  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Các cặp từ trái nghĩa là: lành - rách, giàu - nghèo, áo - quần, ngắn - dài, đêm - ngày, sáng - tối.  **Câu 2:**  - Sống dở chết dở  - Thất bại là mẹ thành công  - Một miếng khi đói bằng một gói khi no  - Lên thác xuống ghềnh  - Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại  - Trước lạ sau quen  - Học trước quên sau  - Đi ngược về xuôi  - Hẹp nhà rộng bụng  - Anh em như thể chân tay  Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần  **Câu 3:**  Trong cuộc đời mỗi người, ai sinh ra mà không có quê hương. Tôi cũng vậy. Quê hương tôi vốn là một vùng nông thôn trù phú với những cánh đồng rộng mênh mông. Nhưng thời gian qua đi, với sự phát triển của khoa học công nghệ, làng quê tôi đã dần thay đổi. Những căn nhà mái ngói cổ kính theo thời gian đã nhường chỗ cho nhà cao tầng hiện đại. Con đường cũng được đổ bê tông khang trang và tiện nghi hơn. Ngay cả người dân cũng trở nên hiện đại hơn. Dẫu vậy, đối với tôi, quê hương vẫn là một điều gì đó rất đỗi thân thương và đáng tự hào.  - Từ trái nghĩa: cổ kính - hiện đại. |

***4. Củng cố:***Lấy ví dụ về từ trái nghĩa

Ngày giảng: ngày 30 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

**Tiết 25:** **TỪ ĐỒNG ÂM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Hiểu được thế nào là từ đồng âm?

- Biết cách xác định nghĩa của từ đồng âm

**2. Kĩ năng**:

- Phân biệt từ đồng âm.

- Sử dụng các từ đồng âm hợp lí khi nói và viết

**3. Thái độ**: Có ý thức sử dụng và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về từ đồng âm?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm từ đồng âm với mỗi từ sau đây: thu, cao, ba, tranh, sang, nam, sức, nhè, tuốt, môi.  **Câu 2:** Thực hiện bài tập 2 trong SKG | - Hs trình bày  - Hs tìm từ đồng âm  - Hs thực hiện bài tập | **I. Lý thuyết**  **-** Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng khác nhau về nghĩa, không có liên quan đến nhau  - Trong giao tiếp cần phải chú ý đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của các từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  - Thu:  + Thu 1: danh từ, mùa thu ⟶ chỉ một mùa trong năm.  + Thu 2: động từ, thu tiền ⟶ chỉ hành động.  - Cao :  + Cao 1: tính từ, trái nghĩa với thấp.  + Cao 2: danh từ, chỉ một loại thuốc Nam dùng để chữa bệnh (cao khỉ, cao trăn).  - Ba :  + Ba 1: số từ, ba lớp tranh.  + Ba 2: danh từ, người sinh ra mình (ba mẹ).  - Tranh:  + Tranh 1: danh từ, tấm lợp kín bằng cỏ (tấm tranh).  + Tranh 2: động từ, bàn cãi để tìm ra lẽ phải (tranh cãi).  - Sang:  + Sang 1: động từ, biểu thị hướng hoạt động nhằm một đối tượng khác (sang phương).  + Sang 2: tính từ, làm cho người ta phải coi trọng (sang trọng).  - Nam:  + Nam 1: chỉ phương hướng (miền Nam)  + Nam 2: giới tính của con người (nam nhi)  - Sức:  + Sức 1: chỉ sức khỏe của con người (sức lực)  + Sức 2: danh từ: một loại văn bản do quan lại truyền xuống cho lí trưởng đốc thúc (tờ sức).  - Nhè:  + Nhè 1: động từ nhằm vào chỗ yếu, chỗ bất lợi của người khác  + Nhè 2: động từ bụm miệng lại dùng lưỡi để đẩy ra  - Tuốt:  + Tuốt 1: tính từ, thẳng một mạch đến tận nơi xa  + Tuốt 2: động từ, hành động lao động trong việc thu hoạt lúa (tuốt lúa)  - Môi:  + Môi 1: danh từ, chỉ bộ phận trên khuôn mặt (môi khô)  + Môi 2: tính từ, làm trung gian cho hai bên (môi giới)  **Câu 2:**  a) “Cổ”  - Cổ1: Bộ phận cơ thể nối đầu với thân.  (hươu cao cổ, khăn quàng cổ …)  - Cổ 2: Bộ phận của áo, yếm, giáng bao quanh cổ và cổ chân (cổ áo, giày cao cổ…)  - Cổ 3: Bộ phận nối liền giữa thân và miệng của đồ vật (cổ chai)  b. Cổ 1: Bộ phận của cơ thể người, đồ vật nối đầu với thân (DT)  Cổ 2: Xưa (tính từ) |

***4. Củng cố:***Tác dụng của việc sử dụng từ đồng âm?

Ngày giảng: ngày 30 tháng 11 năm 2020

**TUẦN 13**

**Tiết 26:**

**CẢNH KHUYA, RẰM THÁNG GIÊNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn liền với lòng yêu nước của Hồ Chí Minh

**2. Kĩ năng** :

- Đọc, hiểu, phân tích thơ Chí Minh

**3. Thái độ**:

- Yêu quý kính trọng vị lãnh tụ của dân tộc Hồ Chí Minh.

- Yêu quý và có ý thức bảo vể thiên nhiên tươi đẹp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu những hiểu biết của em về Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Ở đâu câu 1 tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  **Câu 2:** Em hãy chỉ ra vẻ đẹp của hình ảnh trong câu thơ thứ 2?  **Câu 3:** câu thơ thứ 3 có vai trò gì?  **Câu 4:** Tác giả sử dụng điệp ngữ nào ở 2 câu này? Tác dụng của việc sử dụng điệp ngữ đó? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs nêu biện pháp nghệ thuật  - Hs phân tích  - Hs nêu vai trò  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  **Câu 1**  *a. Tác giả*  - HCM (1890- 1969) là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN, một danh nhân văn hoá thế giới, một nhà thơ lớn của dân tộc..  b.Tác phẩm:  - Bài thơ được Bác Hồ Viết ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Nghệ thuật:  + So sánh:Tiếng suối trong như tiếng hát xa của con người.  -> Tác dụng: Tiếng suối (thiên nhiên) trở nên gần gũi, thân mật như con người, giống như con người trẻ trung, trong trẻo đầy sức sống  + Lấy động để tả tĩnh: Tiếng suối xa diễn tả cảnh đêm khuya tĩnh lặng, thanh bình.  **Câu 2:**  - Điệp từ "lồng" => bức tranh rừng vừa có vẻ đẹp nhiều tầng lớp: cao – thấp - sáng – tối hoà hợp quấn quýt; đường nét hình khối đa dạng vừa tạo nên vẻ đẹp lung linh, huyền ảo chỗ đậm , chỗ nhạt:  => Bóng cây cổ thụ vươn cao, toả rộng lấp loáng ánh trăng.  => Bóng lá, bóng cây, bóng trăng in vào  khóm hoa, in lên mặt đất thành những hình bông hoa trăng dệt thêu như gấm.  => Câu thơ thể hiện vẻ đẹp hình ảnh => trong thơ có hoạ.  **Câu 3:**  - Vai trò chuyển ý:  + Nửa trước khép lại ý của hai câu đầu  + Nửa sau mở ra ý của câu cuối  **Câu 4**  - Điệp ngữ : “chưa ngủ”, ( điệp bắc cầu)  + Thể hiện chất nghệ sĩ trong tâm hồn HCM. (chưa ngủ vì say mê cảnh đẹp)  + Làm nổi bật nỗi niềm trằn trọc của Người  "Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà" Ngườì lo cho dân cho nước - liên hệ lịch sử). |

***4. Củng cố:*** Nêu những nét đặc sắc về nội dung nghệ thuật của bài thơ?

Ngày giảng: ngày 7 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

**Tiết 27:** **THÀNH NGỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- HS hiểu đc khái niệm thành ngữ, nghĩa của thành ngữ, chức năng của thành ngữ trong câu, đặc điểm diễn đạt và tác dụng của thành ngữ.

**2. Kĩ năng**:

- Nhận biết thành ngữ, giải thích ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**3. Thái độ**: Ý thức ham học, có ý thức trau dồi kĩ năng nhận biết và sử dụng thành ngữ trong nói và viết.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về thành ngữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**:  a. Cụm từ lên thác xuống ghềnh có nghĩa là gì? Tại sao lại nói lên thác xuống ghềnh?  b. Nhanh như chớp có nghĩa là gì? Tại sao lại nói là nhanh như chớp.  **Câu 2:** Hãy sưu tầm thêm ít nhất mười thành ngữ chưa được giới thiệu trong sách giáo khoa và giải nghĩa các thành ngữ ấy? | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs sưu tầm các thành ngữ | **I. Lý thuyết**  - Thành ngữ là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyểnnghĩa như ẩn dụ, so sánh…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  a) Cụm từ lên thác xuống ghềnh có nghĩa là lặn lội khó khăn vất vả, hiểm nguy.  - Thác: Chỗ dòng sông có vực đá làm cho nước chảy dốc xuống.  - Ghềnh: Vũng sâu nước chảy xoáy mạnh.  => Do đó lên thác xuống ghềnh quả là công việc vất vả, khó khăn, nguy hiểm.  b) Nhanh như chớp: rất nhanh, cực kì nhanh.  - Chớp: là cái ánh sáng lóe ra rất nhanh.  - Nói nhanh như chớp là cụ thể hóa cái nhanh ấy.  **Câu 2:**  - Nhà tranh vách đất: nhà có mái tranh, tường làm bằng đất ⟹ cảnh nghèo xơ xác.  - Thuần phong mĩ tục: phong tục, tập quán, lối sống tốt đẹp, mang bản sắc riêng của một dân tộc.  - Vững như bàn thạch: Bàn thạch tức là bàn bằng đá ⟹ rất vững vàng, không gì lay chuyển được.  - Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ: Biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình.  - Mèo mù vớ cá rán: Sự may mắn bất ngờ ngoài khả năng.  - Ruột để ngoài da: Đểnh đoảng hay quên, vô tâm, vô tính.  - Gan vàng dạ sắt: biểu thị phẩm chất cao quý của con người trung thành, kiên định không gì lay chuyển.  - Chó cắn áo rách: Đã nghèo khổ lại còn gặp thêm tai nạn.  - Ruột nóng như cào: Rất suốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.  - Nhắm mắt làm ngơ: Cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra. |

***4. Củng cố:***Nghĩa của thành ngữ ?

Ngày giảng: ngày 7 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 14**

**Tiết 28:** **ĐIỆP NGỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh hiểu được thế nào là điệp ngữ và giá trị của điệp ngữ.

**2. Kĩ năng**:

- Có khả năng phân tích giá trị biểu cảm và điệp ngữ trong câu văn cảnh, ngữ cảnh cụ thể.

**3. Thái độ**: - Ý thức ham học, nghiêm túc, tích cực.Ý thức sử dụng ngôn ngữ đúng, ý thức trau dồi và yêu tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về điệp ngữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Tìm điệp ngữ trong đoạn trích dưới đây và cho biết tác giả muốn nhấn mạnh điều gì?  a) Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!  (Hồ Chí Minh)  b) Người ta đi cấy lấy công,  Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.  Trông trời, trông đất, trông mây,  Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.  Trông cho chân cứng đá mềm.  Trời êm, biển lặng mới yên tấm lòng.  (Ca dao)  **Câu 2:** Tìm điệp ngữ trong đoạn văn sau và nói rõ đấy là những dạng điệp ngữ gì?  “ Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi”.  (Khánh Hoài)  **Câu 3:** Theo em, trong đoạn văn sau đây, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ có tác dụng biểu cảm không?  Em hãy chữa lại đoạn văn?  “Phía sau nhà em có trồng một mảnh vườn. Mảnh vườn ở phía sau nhà em, em trồng rất nhiều loài hoa. Em trồng hoa cúc. Em trồng hoa thược dược. Em trồng hoa đồng tiền. Em trồng hoa hồng. Em trồng cả hoa lay ơn nữa. Ngày Phụ nữ quốc tế, em hái hoa sau vườn nhà em tặng mẹ em. Em hái hoa tặng chị em…” | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs tìm  - Hs trả lời và chữa lại đoạn văn | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:** Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ, từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.  - Điệp ngữ có nhiều dạng là điệp ngữ cách quãng, điệp ngữ nối tiếp, điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  Có các điệp ngữ:  a) - một dân tộc đã gan góc  - dân tộc đó phải được  Tác giả dùng các điệp ngữ trên nhằm nhấn mạnh ý dân tộc ta phải được tự do, độc lập, xứng đáng được tự do độc lập.  b) đi cấy: nhấn mạnh công việc làm.  trông: nhấn mạnh sự vất vả cực lòng của nhà nông.  **Câu 2:**  - Xa nhau: điệp ngữ cách quãng.  - Một giấc mơ: điệp ngữ nối tiếp  **Câu 3:**  - Trong đoạn văn ấy, việc lặp đi lặp lại một số từ ngữ không cần thiết làm cho câu văn rườm rà, không mang một giá trị nào cả  - Có thể chữa lại như sau:  “Phía sau nhà em có một mảnh vườn. Em trồng rất nhiều hoa: nào cúc, thược dược, đồng tiền, hồng và cả lay ơn. Ngày phụ nữ quốc tế, em hái hoa sau vườn nhà tặng mẹ em và chị em.” |

***4. Củng cố:***Lấy ví dụ về phép điệp ngữ?

Ngày giảng: ngày 14 tháng 12năm 2020

**TUẦN 15**

**Tiết 29,30:**

**TIẾNG GÀ TRƯA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng, đằm thắm của những kỷ niệm về tuổi thơ và tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài thơ.

- Thấy được nghệ thuật biểu hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả qua những chi tiết tự nhiên, bình dị.

**2. Kĩ năng** :

- Đọc - hiểu, phân tích văn bản thơ trữ tình có sử dụng các yếu tố tự sự.

- Phân tích các yếu tố biểu cảm trong văn bản.

**3. Thái độ**:

- GD tình yêu gia đình, quê hương đất nước.

- Ý thức làm việc nghiêm túc, tự học, trung thực.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ***Câu 1:*** Nêu những hiểu biết của em về Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hoàn cảnh ra đời của bài thơ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảm hứng của tác giả được gợi từ sự việc gì?  **Câu 2:** Trong đoan thơ trên tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật gì?  Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?  **Câu 3:** Suy nghĩ của em về ý nghĩa của âm thanh quen thuộc này trong bài thơ? Cảm nhận về vẻ đẹp trong tâm hồn người chiến sĩ ?  **Câu 4:** Những hình ảnh và kỹ niệm nào trong tuổi thơ được gợi lại từ tiếng gà trưa?  **Câu 5:** Nỗi lo của bà trong đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì?  **Câu 6:** Nhận xét về cách kết thúc bài thơ? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs cảm nhận  - Hs nêu biện pháp nghệ thuật  - Hs nêu suy nghĩ  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  *a.Tác giả: (1942- 1988)*  - Quê: Hà Tây  - Là nhà thơ nữ xuất sắc trong nền thơ hiện đại Việt Nam*.*  *b.Tác phẩm:*  - “Tiếng gà trưa” viết trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mĩ; và nằm trong tập thơ : Hoa dọc chiến hào (1968), in lại trong “Sân ga chiều em đi” (1984).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Cảm hứng của tác giả và mạch cảm xúc của bài thơ.  - Cảm hứng của bài thơ (khổ 1)  " Trên đường hành quân xa  …………………………  Nghe gọi về tuổi thơ"  +Hoàn cảnh: Trên đường hành quân xa, trưa nắng, mệt mỏi người chiến sĩ dừng chân nghỉ lại bên xóm nhỏ chợt nghe tiếng gà trưa nhảy ổ: “cục …cục tác cục ta”.  **Câu 2:**  - Điệp từ nghe nhấn mạnh cảm giác khi nghe tiếng gà trưa. Âm thanh gọi về tuổi thơ, tạo nên thay đổi trong tâm hồn, đánh thức tâm hồn, lan toả ra cảnh vật, nâng đỡ trên từng chặng đường hành quân gian nan, vất vả. Điệp từ nghe còn gợi ra sự thiết tha của tiếng gà và tâm trạng bồi hồi, xúc động cua người chiến sĩ.  => Tiếng gà trưa hay tiếng gọi của quá khứ, kỉ niệm về một tuổi thơ gắn bó với không gian làng quê, gia đình, gắn bó với người bà kính yêu.  **Câu 3:**  - Tiếng gà trưa giản dị nhưng là âm thanh quen thuộc của làng quê, gắn bó với tuổi thơ mỗi người; tạo niềm vui cho người nông dân. Là biểu tượng của quê hương, tuổi thơ-> yêu quê hương, gia đình.  + Hình ảnh, âm thanh tạo ra cảm hứng:  + Câu thơ “Tiếng gà trưa ” được lặp lại 4 lần ở đầu các khổ thơ.  + Mỗi một lần nhắc lại câu thơ này lại gợi ra một kỷ niệm thời thơ ấu.  **Câu 4:** Những hình ảnh và kỷ niệm của bài thơ được gợi lại từ “tiếng gà trưa”  - Kỷ niệm những con gà mái tơ, gà mái vàng, ổ trứng hồng đẹp…  - Kỷ niệm về những lần tò mò xem trộm gà đẻ bị bà mắng.  - Hình ảnh người bà đầy lòng yêu thương, chắt chiu, dành dụm chăm lo cho cháu.  - Niềm vui nhỏ bé của bài thơ: có bộ quần áo mới từ tiền bán gà.  **Câu 5:**  - Bà lo lắng cho đàn gà khi đông tới:  Khi gió mùa đông tới...  + Lo đàn gà toi  + Lo cho cháu tết không có quần áo mới.  -> Lo vì niềm vui của cháu, của tuổi già cô đơn của bà. Nỗi lo chân thật trong cuộc sống khó khăn- Tình yêu thương giản dị, thầm lặng.  => Là người tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo, thương yêu lo lắng cho cháu, bảo ban nhắc nhở cháu, ngay cả khi có mắng thì cũng là vì tình yêu thương cháu.  **Câu 6:** Kết thúc rõ ràng, dễ hiểu, giản dị không đơn giản.  => Từ một tiếng gà trưa mà suy nghĩ, liên tưởng, nhớ lại, bồi hồi thương yêu bà, yêu quê nghèo. Từ đó đem cả tiếng gà trưa vào cuộc chiến đấu.  - Từ vì được lặp lại khẳng định niềm tin chân thưc, chắc chắn của con người vì mục đích chiến đấu hết sức cao cả, bình thường, giản dị. |

***4. Củng cố:*** Cảm nhận chung về bài thơ?

Ngày giảng: ngày 21 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 16**

**Tiết 31,32:**

**MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Cảm nhận được phong vị đặc sắc, nét tinh tế, nét đẹp văn hoá trong một thứ quà độc đáo và giản dị của dân tộc.

- Thấy được sự tinh tế, nhẹ nhàng mà sâu sắc trong lối văn tuỳ bút của Thạch Lam.

**2. Kĩ năng** :

- - Đọc, cảm nhận, tìm hiểu và phân tích chất trữ tình, chất thơ trong văn bản tuỳ bút.

**3. Thái độ**:

- Yêu quý, trân trọng những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  **Câu 1:** nêu vài nột về tác giả…..và tác phẩm“ Một thứ quả của lúa non: Cốm”?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Cảm xúc tác giả bắt đầu từ đâu? Nhờ giác quan nào là chủ yếu?  **Câu 2:** Em có nhận xét gì về giọng văn, cách miêu tả trong đoạn văn này? Và cách dẫn vào bài viết có điểm gì hay?  **Câu 3:** Tác giả đó chỉ ra những giá trị nào của Cốm?  **Câu 4:** Tác giả đã chỉ ra sự hoà hợp giữa hai sản vật nào? Sự hoà hợp đó thể hiện như thế nào?  **Câu 5:** Tác giả bàn về sự thưởng thức Cốm như thế nào?  **Câu 6:** Tác giả thuyết phục người mua cốm ntn?  ý nghĩa của lời thuyết phục đó là gì | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs cảm nhận  - Hs nhận xét  - Hs nêu giá trị Cốm  - Hs phân tích  - Hs phân tích  - Hs nêu ý nghĩa | **I. Lý thuyết**  *a. Tác giả:*  - Thạch Lam (1910-1942)  + Tên thật: Nguyễn Tường Vinh sau đổi thành Nguyễn Tường Lân.  + Là một nhà văn nổi tiếng của nhóm “Tự lực văn đoàn”  + Ông có sở trường về truyện ngắn và tu  *b. Tác phẩm:* Được rút từ tập tuỳ bút:  Hà Nội băm sáu phố phường ( 1943).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Cốm – Sự tinh tế của thiên nhiên và sự khéo léo của con người:  \* Cốm - đặc sản của làng Vòng.  - Cảm hứng được gợi lên từ hương thơm của lá sen trong cơn gió mùa hạ.  - Hương thơm ấy gợi nhắc đến hương vị của Cốm.  **Câu 2:**  - Cách miêu tả khêu gợi được cảm xúc , cho ta cảm nhận thấy sự tinh tế của thiên nhiên đúc kết trong từng hạt cốm.  - Quá trình dẫn nhập từ tốn, tự nhiên, thanh nhã, trang trọng thể hiện sự nhạy cảm, cảm giác tinh tế, tình yêu sâu nặng của tác giả về cốm.  **Câu 3:** Cảm nghĩ về giá trị của cốm:  - Cốm là thức quà riêng biệt của đất Vịêt. do vậy nó là sản phẩm chứa đựng giá trị văn hoá:  + Cốm được chọn làm đồ sêu tết.  + Thích hợp với nghi lễ của đất nước nông nghiệp.  -> Cốm: Là thức quà hàng ngày  Là lễ vật quý, sang trọng  Là đặc sản mà giản dị, thanh khiết, thân thuộc.  **Câu 4:**  \*Sự hoà hợp giữa cốm - hồng:  - Màu sắc: sắc xanh cốm - đỏ hồng  - Hương vị: cốm: thanh đạm; hồng: ngọt sắc => 2 hương vị nâng đỡ cho nhau.  - Về triết lí âm dương:  Cốm: âm | Hồng: dương  Màu xanh | đỏ  Vị thanh đạm | ngọt sắc  Bánh cốm vuông | hồng tròn  -> âm dương hoà hợp, hạnh phúc lâu bền, nhiều con lắm cháu (triết lý phồn thực và sùng bái con người, của văn hoá nông nghiệp).  **Câu 5**:  Sự thưởng thức cốm:  - Cách ăn quà thanh nhã, lịch sự :  + Ăn chậm rãi, thong thả, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ, nhấm nháp  + Phải thưởng thức bằng các giác quan: khứu giác, vị giác, thậm chí cả xúc giác để thấy được hương vị đặc biệt, những cảm giác cho cốm gợi ra và thưởng thức những giá trị kết tinh ở đó.  **Câu 6:**  - Lời đề nghị mua cốm thẳng thắn, chí lý, chí tình: Hãy, chớ, phải, nên (từ mệnh lệnh, cầu khiến).  - Người mua cốm: phải nhẹ nhàng, nâng đỡ chút chiu.  - Vì : Cốm là lộc của trời, cái khéo léo của người và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thân lúa.  => Xem cốm như một giá trị tinh thần thiêng liêng được trân trọng và gìn giữ xuất phát từ một tấm lòng, một trái tim người Hà Nội. |

***4. Củng cố:*** tìm đoạn văn mà em yêu thích nhất trong bài? Nêu cảm nhận về đoạn văn đó

Ngày giảng: ngày 28 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

**Tiết 33:** **CHƠI CHỮ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm về chơi chữ và một số lối chơi chữ thường dùng

- Bước đầu cảm thụ được cái hay, lý thú của chơi chữ.

**2. Kĩ năng**:

- Phân tích, cảm nhận và vận dụng chơi chữ đơn giản trong nói và viết.

**3. Thái độ**: - Có ý thức sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  **Câu 1:** Nêu hiểu biết của em về chơi chữ?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhau? Cách nói này có phải là chơi chữ không?  - Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dò đến hàng nem chả muốn ăn.  - Bà đồ Nứa, đi võng đòn tre, đến khóm trúc, thở dài hi hóp.  **Câu 2:** Sưu tầm một số cách chơi chữ trong sách báo | - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs sưu tầm cách chơi chữ | **I. Lý thuyết**  - Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước… làm câu văn hấp dẫn thú vị.  - Các lối chơi chữ thường gặp là:  +Dùng từ ngữ đồng âm  +Dùng lối nói trại âm  +Dùng cách điệp âm  +Dùng lối nói lái  +Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.  - Chơi chữ được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là trong thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố…  **II. Luyện tập**  **Câu 1** :  Câu 1: thịt, mỡ, giò, nem, chả.  Câu 2: nứa tre, trúc, hóp.  Cách nói này cũng là một lối chơi chữ.  **Câu 2:**  - Thay đối trật tự các chữ (hay nói ngược):  - Vợ cả, vợ hai, (hai vợ) cả hai đều là vợ cả.  - Thầy tu, thầy chùa, chùa thầy cứ việc thầy tu.  - Câu đối của tri huyện Lê Kim Thằng và Xiển Bột:  - Học trò là học trò con, tóc đỏ như son là con học trò.  - Tri huyện là tri huyện Thằng, ăn nói lằng nhằng là thằng tri huyện |

***4. Củng cố:***Kể tên các lối chơi chữ thường gặp?

Ngày giảng: ngày 28 tháng 12 năm 2020

**TUẦN 17**

**Tiết 34:** **LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức:** Phát hiện các lỗi sai về âm, chính tả, sắc thái ý nghĩa, từ đó biết sử dụng từ đúng.

**2. Kĩ năng**:

- - Sử dụng từ chính xác.

**3. Thái độ**: - Giáo dục ý thức, giữ gìn và bảo vệ sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài họ***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Lý thuyết**  ? Em hiểu như thế nào về từ? Muốn diễn đạt dễ dàng và hay cần có vốn từ như thế nào?  ? Từ được phân loại như thế nào?  **Hoạt động 2**: **Luyện tập**  **Câu 1**: đọc yêu cầu BT 1?  **Câu 2:** GV đọc yêu cầu BT 2?  **Câu 3:** GV đọc yêu cầu Bt 3 ? | - Hs trình bày  - Hs nêu phân loại từ  - Hs suy nghĩ trả lời | **I. Lý thuyết**  - Từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ, phải có vốn từ phong phú để chọn những từ chính xác và hay nhất.  - Từ loại: DT, ĐT, TT, số từ, đại từ, phó từ, lượng từ, chỉ từ, quan hệ từ.  - Cấu tạo: Từ đơn, từ phức (từ ghép – từ láy).  **II. Luyện tập**  **Câu 1** : Nội dung cần sửa (nếu sai)  + âm, chính tả  + Về nghĩa  + Về cấu trúc ngữ pháp  + Về sắc thái biểu cảm  **Câu 2:**  - Các nội dung cần sửa như BT1.  VD: a. Hồi phục, khôi phục, khuất phục, khắc phục, phục chế.  b. Lỗi đạo, lãnh đạo, độc đạo, đạo đức, đạo tặc, đạo lý, đạo nghĩa...  **Câu 3:**  - Cho các từ sau” lẵng lơ, truy nả”  - Chữa” lẳng lơ, truy nã”-> sai chính tả(không phân biệt được thanh(? ) và thanh ngã. |

***4. Củng cố:***GV chốt lại những yêu cầu khi sử dụng từ Tiếng Việt

**Tuần 18:**

**Tiết 35,36:**

**KIỂM TRA HỌC KỲ I**

Ngày giảng: ngày 11 tháng 01 năm 2021

**TUẦN 19**

**Tiết 37:**

**TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được sơ lược thế nào là tục ngữ

- Hiểu được nội dung, một số hình thức nghệ thuật và ý nghĩa của những câu tục ngữ trong bài học.

**2. Kĩ năng** :

- Hiểu và phân tích tục ngữ

**3. Thái độ**:

- Yêu quý và tôn trọng những kinh nghiệm quý báu của cha ông.

- Tích hợp với việc bảo vệ môi trường.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Khái niệm tục ngữ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 5 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Nhìn chung tục ngữ có những đặc điểm về hình thức:  - Ngắn gọn.  - Thường có vần, nhất là vần lưng.  - Các vế thường đối xứng nhau cả về hình thức, cả về nội dung.  - Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh.Hãy minh họa những đặc điểm nghệ thuật đó và phân tích giá trị của chúng bằng những câu tục ngữ trong bài.  **Câu 2:** Sưu tầm thêm một số câu tục ngữ có nội dung phản ánh kinh nghiệm của nhân dân ta về các hiện tượng mưa, nắng, bão, lụt.  **Câu 3:** Nêu ý nghĩa của câu tục ngữ? Giá trị kinh nghiệm mà câu tục ngữ thể hiện là gì? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs phân tích  - Hs sưu tầm  - Hs nêu ý nghĩa | **I. Lý thuyết**  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, thường có vần điệu, nhịp điệu, hình ảnh thể hiện những kinh ngiệm của nhân dân về mọi mặt( tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội), được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hằng ngày. Đây là một thể loại văn học dân gian  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Câu tục ngữ: Ráng mỡ gà có nhà thì giữ  - Ngắn gọn: Số lượng từ: 7 từ  - Thường có vần, nhất là vần lưng: từ “gà” vần với từ “nhà”  - Hai vế đối xứng cả hình thức lẫn nội dung: “ráng mỡ gà” đối với vế “có nhà thì giữ”  - Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh: hình ảnh “ráng mỡ” ở chân trời báo hiệu trời sắp có mưa bão lớn.  **Câu 2:**  - Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy.  Cơn đằng tây vừa cày vừa ăn  - Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.  - Gió nam đưa xuân sang hè.  - Vùng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.  - Trăng quần đại hạn, trăng tán thì mưa.  **Câu 3:**  - Ý nghĩa: Nhận xét về cách dự đoán nắng, mưa dựa trên cơ sở xem sao trên trời. Từ đó góp phần sắp xếp công việc hợp lí.  - Giá trị: Giúp con người có ý thức chủ động để nhìn nhận, sử dụng thời gian, công việc, sức lao động vào thời điểm khác nhau trong 1 năm |

***4. Củng cố:*** - Trong những câu tục ngữ trên, em thích nhất là câu tục ngữ nào? Vì sao?

Ngày giảng: ngày 11 tháng 01 năm 2021

**TUẦN 19**

**Tiết 38:**

**CÂU RÚT GỌN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Năm được cách rút gọn câu và tác dụng của câu rút gọn.

**2. Kĩ năng** :

- Biết cách rút gọn câu hợp lí và hiệu quả.

**3. Thái độ**:

- Yêu thích môn học, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Khái niệm câu rút gọn?  ? Mục đích câu rút gọn?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 16 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Trong các câu tục ngữ sau, câu nào là câu rút gọn? Những thành phần nào của câu được rút gọn? Rút gọn câu như vậy để làm gì?  a*) Người ta là hoa đất.*  *b) Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*  *c) Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng.*  *d) Tấc đất tấc vàng.*  **Câu 2:**  Hãy tìm câu rút gọn trong các ví dụ dưới đây. Khôi phục những thành phần câu được rút gọn? Rút gọn câu như vậy để làm gì?  a) *Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,*  *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.*  *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  *Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,*  *Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.*  *Dừng chân đứng lại, trời non nước,*  *Một mảnh tình riêng, ta với ta.*  (Bà Huyện Thanh Quan)  b) *Đồn rằng quan tướng có danh,*  *Cưỡi ngựa một mình, chẳng phải vịn ai.*  *Ban khen rằng: “Ấy mới tài”,*  *Ban cho cái áo với hai đồng tiền.*  *Đánh giặc thì chạy trước tiên,*  *Xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)*  *Giặc sợ giặc chạy về nhà,*  *Trở về gọi mẹ mổ gà khao quân!*  (Ca dao)  **Câu 3:** (trang 17 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Vì sao cậu bé và người khách trong câu chuyện dưới đây hiểu lầm nhau? Qua câu chuyện (tr.17 SGK Ngữ văn 7 tập 2), em rút ra được bài học gì về cách nói năng? | - Hs nêu vài nét tiêu biểu  - Hs trình bày  - Hs trả lời  - Hs tìm  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Câu rút gọn là khi nói hoặc viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu, tạo thành câu rút gọn. Các thành phần có thể lược bỏ như chủ ngữ, vị ngữ, hoặc cả chủ ngữ và vị ngữ,… Tuỳ theo hoàn cảnh, mục đích nói của câu mà ta có thể lược bỏ những thành phần phù hợp.  - Mục đích: Việc lược bỏ một số thành phần của câu để tạo thành câu rút gọn nhằm mục đích: làm cho câu trở nên gọn hơn. Làm cho thông tin nhanh, ngoài ra còn tránh lặp với những từ ngữ đã sử dụng trong câu trước đó. Những câu ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người tham gia hội thoại.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Các câu (b), (c) là những câu rút gọn.  - Thành phần bị lược là thành phần chủ ngữ.  - Hai câu này, một câu nêu nguyên tắc ứng xử, một câu nêu kinh nghiệm sản xuất chung cho tất cả mọi người nên có thể rút gọn chủ ngữ làm cho câu gọn hơn.  **Câu 2:**  - Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy.  Cơn đằng tây vừa cày vừa ăn  - Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.  - Gió nam đưa xuân sang hè.  - Vùng mây thì gió, đỏ mây thì mưa.  - Trăng quần đại hạn, trăng tán thì m a. Rút gọn chủ ngữ  + Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,  + Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,  - Khôi phục:  + Ta bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,  + Ta dừng chân đứng lại, trời, non, nước,  b. Rút gọn chủ ngữ  + Đồn rằng quan tướng có danh,  + Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.  + Ban khen rằng: "Ấy mới tài",  + Ban cho cái áo với hai đồng tiền.  + Đánh giặc thì chạy trước tiên,  + Xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)  + Trở về gọi mẹ mổ gà khao quân!  - Khôi phục:  + Người ta đồn rằng quan tướng có danh,  + Hắn cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai.  + Vua ban khen rằng: "Ấy mới tài",  + Và ban cho cái áo với hai đồng tiền.  + Quan tướng khi đánh giặc thì chạy trước tiên,  + Khi xông vào trận tiền cởi khố giặc ra (!)  + Quan tướng trở về gọi mẹ mổ gà khao quân!  => Trong văn vần (thơ, ca dao...) thường gặp nhiều câu rút gọn bởi lẽ văn vần chuộng lối diễn đạt súc tích và số chữ trong một dòng được quy định rất hạn chế.  **Câu 3:**  Cậu bé và người khách trong câu chuyện hiểu lầm nhau bởi vì cậu bé, khi trả lời người khách, đã dùng ba câu rút gọn khiến người khách hiểu sai ý nghĩa.  +“Mất rồi” (ý cậu bé: Tờ giấy mất rồi; người khách hiểu: “Bố cậu bé mất”).  + “Thưa...tối hôm qua” (ý cậu bé: Tờ giấy mất tối hôm qua; người khách hiểu: “Bố cậu bé mất tối hôm qua”).  + “Cháy ạ” (ý cậu bé: tờ giấy mất vì cháy; người khách hiểu: “Bố cậu bé mất vì cháy”).  - Qua câu chuyện này, cần rút ra một bài học: phải cẩn thận khi dùng câu rút gọn vì dùng không đúng cổ thể gây hiểu lầm. |

***4. Củng cố:*** - Khi sử dụng câu rút gọn cần chú ý điều gì?

Ngày giảng: ngày 18 tháng 01 năm 2021

**TUẦN 20**

**Tiết 39,40:**

**TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta.

- Nắm được nghệ thuật nghị luận chặt chẽ, sáng, gọn, có tính mẫu mực của bài văn..

**2. Kĩ năng** :

- Đọc, tìm hiểu, phân tích bố cục, cách nêu luận điểm,các luận chứng trong bài nghị luận CM.

**3. Thái độ**:

- Bồi dưỡng tinh thần yêu nước.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Xác định bố cục của văn bản?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 26 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Để chứng minh cho nhận định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”, tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào và sắp xếp theo trình tự như thế nào?  **Câu 2:** (trang 26 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Trong bài văn, tác giả đã sử dụng những hình ảnh so sánh nào? Nhận xét về tác dụng của biện pháp so sánh ấy.  **Câu 3:** (trang 26 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Đọc lại đoạn văn: “Đồng bào ta ngày nay” đến “nơi lòng nồng nàn yêu nước”, và hãy cho biết:  a) Câu mở đoạn và câu kết đoạn.  b) Các dẫn chứng trong đoạn này được sắp xếp theo cách nào?  c) Các sự việc và con người được liên kết theo mô hình: "từ... đến ..." có mối quan hệ với nhau như thế nào?  **Câu 4:** (trang 26 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Theo em, nghệ thuật nghị luận ở bài này có những đặc điểm gì nổi bật? | - Hs xác định  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs nhận xét  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận | **I. Lý thuyết**  Bố cục: 3 Phần  - Mở bài: Đầu… “lũ cướp nước” nêu vấn đề n ghị luận  - Thân bài: “Lịch sử nước ta… nồng nàn yêu nước”: GQVĐề  - Kết bài: Còn lại: KTVĐề.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Để chứng minh cho nhận định:  *"Dân ta có một lòng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”,* tác giả đã đưa ra những dẫn chứng biểu hiện tinh thần yêu nước trong cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc trong lịch sử và hiện tại. Trọng tâm của việc chứng minh tinh thần yêu nước là những biểu hiện trong cuộc kháng chiến hiện tại. Do đó ở phần nội dung, tác giả đã nêu dẫn chứng cụ thể về những việc là hành động của mọi giới, mọi tầng lớp trong nhân dân. Đồng thời, tác giả cũng đi từ lời nhận xét bao quát đến những dẫn chứng cụ thể.  **Câu 2:** Trong bài văn, có những hình ảnh so sánh ở đoạn cuối.  “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi giấu kín đáo trong rương, trong hòm.”  Bằng những hình ảnh được so sánh ấy, người đọc có thể hình dung rất rõ ràng hai trạng thái của tinh thần yêu nước: tiềm tàng, kín đáo và biểu lộ rõ ràng, đầy đủ.  **Câu 3:**  a) Câu mở đoạn:” Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ngày trước".  Câu kết đoạn: “Những cử chí cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước".  b) Dẫn chứng được sắp xếp theo cách liệt kê với mô hình "từ... đến”.  c) Các sự việc và con người được liên kết theo mô hình được liên kết mô hình “từ... đến ” có mối quan hệ hợp lí, được sắp xếp theo cùng một diện như: lứa tuổi, tầng lớp, giai cấp, nghề nghiệp, địa bàn cư trú.  **Câu 4:** Nghệ thuật lập luận nổi bật:  - Bố cục chặt chẽ  - Dẫn chứng chọn lọc, xác thực, được trình bày thứ tự theo thời gian nhằm làm nổi bật tính toàn dân  - Lối so sánh độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cho người đọc thấy được sức mạnh, giá trị quý báu của tinh thần yêu nước vốn là một khái niệm trừu tượn |

***4. Củng cố:*** Qua văn bản này, em hãy rút ra bài học cho bản thân?

Ngày giảng: ngày 25 tháng 01 năm 2021

**TUẦN 21**

**Tiết 41:**

**CÂU ĐẶC BIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được khái niệm câu đặc biệt và tác dụng của câu đặc biệt.

**2. Kĩ năng** :

- Biết cách sử dụng câu đặc biệt trong những tình huống nói viết cụ thể.

**3. Thái độ**:

- Có ý giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Khái niệm câu đặc biệt?  ? Tác dụng của câu đặc biệt?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 29 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Tìm câu đặc biệt và câu rút gọn trong các ví dụ.  *a) Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.*  *(*Hồ Chí Minh)  *b) Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp răng rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây… Bốn giây… Năm giây… Lâu quá!*  (Vũ Tú Nam)  *c) Sóng ầm ầm đập vào những tảng đá lớn ven bờ. Gió biển thổi lồng lộng. Ngoài kia là ánh đèn sáng rọi của một con tàu. Một hồi còi.*  (Nguyễn Trí Huân*)*  *d) Chim sâu hỏi chiếc lá:*  *- Lá ơi! Hãy kể chuyện cuộc đời bạn cho tôi nghe đi!*  *- Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu*  (Trần Hoài Dương)  **Câu 2:**  (trang 29 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Mỗi câu đặc biệt và rút gọn em vừa tìm được trong bài tập trên có tác dụng gì?  **Câu 3:** (trang 29 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) tả cảnh quê hương em trong đó có một vài câu đặc biệt. | - Hs khái niệm  - Hs trình bày  - Hs tìm câu đặc biệt và câu rút gọn  - Hs nêu tác dụng  - Hs viết đoạn văn | **I. Lý thuyết**  - Câu đặc biệt được lý giải rất ngắn gọn đó là kiểu câu thường chỉ có 1 hoặc cụm từ, cấu tạo sẽ không theo mô hình chủ vị.  - Câu đặc biệt được sử dụng có các mục đích cụ thể như:  – Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc.  – Bộc lộ cảm xúc trong câu nói.  – Dùng liệt kê hoặc thông báo của sự vật, hiện tượng.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) Không có câu đặc biệt:  - Câu rút gọn:  + “Có khi được trưng bày... trong hòm”  + “Nghĩa là phải ra sức giải thích... kháng chiến "  b) - Câu đặc biệt: “Ba giây...Bốn giây.. Năm giây... Lâu quá!”  - Không có câu rút gọn.  c) - Không có câu đặc biệt  - Câu rút gọn: "Một hồi còi".  d) - Câu đặc biệt: “Lá ơi'”  - Câu rút gọn: “[...] - Hãy kế chuyện cuộc đời của bạn cho tôi nghe đi!”  - "Bình thường lắm, chẳng có gì đáng kể đâu"  **Câu 2:** Các câu đặc biệt ở bài tập 1 có tác dụng:  - Xác định thời gian.  - Bộc lộ cảm xúc  - Gọi đáp.  **Câu 3:**  Không nhớ vào một buổi sáng nào được bà ngoại cho ra đồng nhặt cỏ cùng với dì tôi nhưng đó là lần tôi ngạc nhiên quá đỗi. Bước chân ngắn của thằng bé là tôi cứ líu ríu níu váy bà để lên cho được con đê cao. Lần đầu tiên tôi đứng trên đê làng. Cả một cánh đồng bát ngát trải dài những lượn sóng xanh rập rờn đến những dãy núi xa vời. Những cánh cò đang lả cánh như những con diều trắng chấp chới bay về phía mặt trời. Phương Đông sáng hồng lên, những đám mây ngũ sắc cho tôi một ấn tượng thần tiên. Ôi, con đê làng! Một buổi bình minh. Vâng, một bình minh mãi mãi cho tôi nhớ về quê hương dù nay tôi đã ở chân trời góc bể. |

***4. Củng cố:*** Nên dùng câu đặc biệt như thế nào?

Ngày giảng: ngày 25 tháng 01 năm 2021

**TUẦN 21**

**Tiết 42:**

**SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được sự giàu đẹp của Tiếng Việt qua sự phân tích, chứng minh trong bài nghị luận giàu sức thuyết phục của Đặng Thai Mai.

- Nắm được những điểm nổi bật trong nghệ thuật nghị luận của bài văn.

**2. Kĩ năng** :

- Tìm hiểu, phân tích một văn bản nghị luận hình thành kỹ năng viết văn bản nghị luận.

**3. Thái độ**:

- Có thức thức trân trọng, giữa gìn và phát huy sự trong sáng giàu đẹp của tiếng việt.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Dựa vào phần chú thích, nêu vài nét tiêu biểu về tác giả?  ? Nêu xuất xứ của văn bản này ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:**  (trang 37, SGK Ngữ văn 7, tập 2):  .  **Câu 2:**  ((trang 37, SGK Ngữ văn 7, tập 2): Sưu tầm, ghi lại những ý kiến nói về sự giàu đẹp, phong phú của tiếng Việt và nhiệm vụ giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.  **Câu 3:** Trả lời câu 2 (trang 37, SGK Ngữ văn 7, tập 2): Tìm 5 dẫn chứng thế hiện sự giàu đẹp của tiếng Việt về ngữ âm, từ vựng trong các bài văn, thơ đã học hoặc đọc thêm ở các lớp 6, 7. | - Hs trả lời  - Hs trình bày  - Hs suy nghĩ trả lời  - Hs sưu tầm  - Hs tìm dẫn chứng | **I. Lý thuyết**  a.Tác giả: Đặng Thai Mai : 1902-1948.  - Quê: Làng Lương Điền - xã Thạch Xuân- Huyện Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An.  - Ông là nhà văn, nhà nghiên cứu khoa học nổi tiếng của Việt Nam.  - Ông được nhà nước phong tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật  b.Tác phẩm:  - Đoạn trích phần đầu của bài nghiên cứu Tiếng Việt, Một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Đây chỉ là một đoạn trích nên bố cục không hoàn chỉnh. Có thể chia thành các phần như sau:  - Phần mở đầu (đoạn 1, 2): Nêu luận điểm khái quát.  - Phần khai triển (còn lại): Vẻ đẹp và sức sống của tiếng Việt. Phần này gồm hai ý:  + Từ “Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó” đến “rất ngon lành trong những câu tục ngữ”: Tiếng Việt trong con mắt người nước ngoài;  + Từ “Tiếng Việt chúng ta gồm có” đến hết: Những yếu tố tạo nên vẻ đẹp và sức sống của tiếng Việt  **Câu 2:**  - “Tiếng Việt của chúng ta rất giàu, tiếng ta giàu bởi đời sống của chúng ta muôn màu, đời sống tư tưởng và tình cảm dồi dào của dân tộc ta... Tiếng Việt của chúng ta rất đẹp; đẹp như thế nào, đó là điều khó nói...”  (Phạm Văn Đồng - Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt).  - “Hai nguồn giàu đẹp của tiếng Việt là tiếng nói của quần chúng nhân dân và ngôn ngữ văn học mà các nhà thơ lớn đã nâng lên đến mức cao. Tiếng nói hằng ngày của quần chúng nhân dân lao động, trong chiến đấu, trong quan hệ xã hội, cụ thể, sinh động, có hình ảnh, màu sắc và nhạc điệu: Tiếng nói ấy kết đọng lại rất hay, rất đẹp trong tục ngữ và ca dao...”  (Xuân Diệu - Tâm sự với các em về tiếng Việt).  **Câu 3:**  - Về mặt ngữ âm, từ vựng ta thường bắt gặp trong chương trình Ngữ văn 6, 7 những câu thơ, đoạn văn giàu chất thơ, chất nhạc và mang đậm chất hội họa:  + Chú bé loắt choắt  Cái xắc xinh xinh  Cái chân thoăn thoắt  Cái đầu nghênh nghêng  Ca nô đội lệch  Mồm huýt sáo vang  Như con chim chích  Nhảy trên đường vàng  Ấy là những câu thơ đầy chất nhạc trong bài thơ Lượm của Tố Hữu.  + “Thường thường vào khoảng đó trời đã hết nồm, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí vài con ong siêng năng bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám, chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột”.  Ấy là những câu văn đầy chất thơ trích trong văn bản Mùa xuân của tôi của tác giả Vũ Bằng.  + Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa  Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ  Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.  Ấy là những câu thơ đầy chất họa trong bài thơ Cảnh khuya của Hồ Chí Minh. |

***4. Củng cố:*** Nên dùng câu đặc biệt như thế nào?

Ngày giảng: ngày 1 tháng 02 năm 2021

**TUẦN 22**

**Tiết 43,44:**

**THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh nắm được kiến thức trong trạng ngữ cấu trúc câu.

- Biết phận loại trạng ngữ theo nội dung mà có biểu thị.

- Ôn lại các loại trạng ngữ được học ở bậc tiểu học.

**2. Kĩ năng** :

- Rèn kĩ năng nhận biết và sử dụng trạng ngữ phù hợp với hoàn cảnh

**3. Thái độ**:

- Có niềm yêu thích môn học, có ý thức học tập nghiêm túc tích cực.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Khái niệm trạng ngữ?  ? Đặc điểm và công dụng của trạng ngữ?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Tìm trạng ngữ trong các đoạn trích dưới đây:  a) *Cơn gió mùa hạ lướt qua vừng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn có ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? Trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúa ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.*  (Thạch Lam)  b) *Chúng ta có thể khẳng định rằng: cấu tạo của tiếng Việt, với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây, là một chứng cớ khá rõ về sức sống của nó.*  (Đặng Thai Mai)  **Câu 2:**  (trang 40 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Dựa vào kiến thức đã học ở bậc Tiểu học:  a) Hãy phân loại các trạng ngữ vừa tìm được qua bài tập 2.  b) Kể thêm những loại trạng ngữ khác mà em biết. Cho ví dụ minh họa.    **Câu 3:** (trang 47 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Nêu công dụng của trạng ngữ trong các đoạn trích sau đây:  a) Kết hợp những bài này lại, ta được chiêm ngưỡng một bức chân dung tinh thần tự họa rất rõ nét và sinh động của bài thơ.  Ở loại bài thứ nhất, người ta thấy trong nhà thơ Hồ Chí Minh có nhà báo Nguyễn Ái Quốc hết sức sắc sảo trong bút pháp kí sự, phóng sự và nghệ thuật châm biếm.  Ở loại bài thứ hai, ta lại thấy ở nhà thơ cách mạng sự tiếp nối truyền thống thi ca lâu đời của phương Đông, của dân tộc, từ Lí Bạch, Đỗ Phủ,… đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến,…  (Theo Nguyễn Đăng Mạnh)  b) Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ. Lần đầu tiên chập chững bước đi, bạn đã bị ngã. Lần đầu tiên tập bơi, bạn uống nước và suýt chết đuối phải không? Lần đầu tiên chơi bóng bàn, bạn có đánh trúng bóng không? Không sao đâu vì… […]. Lúc còn học phổ thông, Lu-i Pa-xtơ chỉ là một học sinh trung bình. Về môn Hóa, ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp.  (Theo Trái tim có điều kì diệu)  **Câu 4:** (trang 47 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riêng trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do trạng ngữ tạo thành.  a) *Bố cháu đã hi sinh. Năm 1972.*  (Theo báo Văn nghệ)  b) *Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xõa gối. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn*  (Anh Đức) | - Hs khái niệm  - Hs trình bày  - Hs tìm trạng ngữ  - Hs phân loại và kể  - Hs nêu tác dụng  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  - Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu, tức là bổ nghĩa cho cả cụm chủ vị trung tâm. Trạng ngữ thường là những từ chỉ thời gian, địa điểm nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức… để biểu thị các ý nghĩa tình huống: thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích, kết quả, phương tiện, ..  - Đặc điểm và công dụng của trạng ngữ:  + về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, noi chốn, nguyên nhân mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  + Về hình thức có thể đứng đầu câu, cuối câu hay giữa câu. Giữa trạng ngữ và chủ ngữ, vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Trạng ngữ trong các đoạn trích  a.  - khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi (Trạng ngữ chỉ thời gian)  - trong cái vỏ xanh kia, dưới ánh nắng (Trạng ngữ chỉ không gian (nơi chốn))  - vì cái chất quý trong sạch của Trời (Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)  - như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết (Trạng ngữ c  b.  - với khả năng thích hợp với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây (Trạng ngữ chỉ phương tiện)  **Câu 2:**  a.  - khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi (Trạng ngữ chỉ thời gian)  - trong cái vỏ xanh kia, dưới ánh nắng (Trạng ngữ chỉ không gian (nơi chốn))  - vì cái chất quý trong sạch của Trời (Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)  - như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết (Trạng ngữ chỉ cách thức)  b.  Kể thêm một số loại trạng ngữ khác mà em bết: Trạng ngữ chỉ phương tiện, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích…  Ví dụ:  - Bằng chất giọng thiên phú, bạn đã hát rất hay.  => Bằng chất giọng thiên phú: trạng ngữ chỉ phương tiện.  - Muốn học giỏi môn Toán, chúng ta cần phải chăm chỉ làm bài.  => Để học giỏi môn Toán: trạng ngữ chỉ mục đích.  **Câu 3:**  Tác dụng của các trạng ngữ trong đoạn trích:  - Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.  - Nối kết các câu, các đoạn với nhau góp phần làm cho đoạn văn được mạch lạc.  **Câu 4:**  a) Bố cháu đã hi sinh. Năm 1972  Trạng ngữ: Năm 1972 được tách thành câu riêng nhằm nhấn mạnh vào thời điểm hi sinh của nhân vật trong câu nói. Qua đó, người kể chuyện cũng bộc lộ cảm xúc của mình.  b) Bốn người lính đến cúi đầu, tóc xõa gối. Trong lúc tiếng đàn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.  Việc tách trạng ngữ (Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vầng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn) thành câu riêng vừa có tác dụng làm nổi bật thông tin ở nòng cốt câu (Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xõa gối), vừa có tác đụng nhấn mạnh thông tin về hoàn cảnh (Trong lúc tiếng đòn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn). Qua đó, tác giả nhấn mạnh đến sự tương hợp giữa tâm trạng của những người lính và giai điệu buồn bã của tiếng đờn li biệt, bồn chồn bên ngoài. |

***4. Củng cố:*** Nêu ý nghĩa và hình thức của trạng ngữ?

Ngày giảng: ngày 15 tháng 02 năm 2021

**TUẦN 23**

**Tiết 45,46:**

**ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được đức tinh giản dị là một phảm chất đáng quý của Bác Hồ.

-Nắm được nghệ thuật nghị luận của bài văn, đặc điểm là cách nêu luận cứ, chọn lọc dẫn chứng, chứng minh kết hợp bình luận với biểu cảm

**2. Kĩ năng** :

- Tìm hiểu, phân tích một văn bản nghị luận.

**3. Thái độ**:

- Trân trọng và yêu quý vị lãnh tụ kính mến của dân tộc.

- Có ý thức học hỏi sự giản dị trong cuộc sống..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ?Nêu những hiểu biết của em về tác giả Phạm Văn Đồng?  ? Nêu xuất xứ của tác phẩm?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** ? Xác định bố cục của văn bản?  **Câu 2:**  (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Nêu luận điểm chính của toàn bài trong đoạn mở đầu. Để làm rõ đức tính giản dị của Bác Hồ, tác giả đã chứng minh ở những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác?  **Câu 3:** trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Tìm hiểu trình tự lập luận của tác giả trong bài, và trên cơ sở đó, nêu bố cục của bài văn.  .  **Câu 4** (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Đọc đoạn văn từ “Con người của Bác” đến “Nhất, Định, Thắng, Lợi!” và nhận xét về nghệ thuật chứng minh của tác giả ở đoạn văn này.  Những chứng cứ ở đoạn này có giàu sức thuyết phục không? Vì sao?  **Câu 5:**  (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2*): “Bác Hồ sống giản dị thanh bạch như vậy, bởi vì Người sống sôi nổi, phong phú đời sống và cuộc đấu tranh gian khổ và ác liệt của quần chúng nhân dân. Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất”.*  Trong đoạn văn trên, tác giả đã dùng những phép lập luận nào để người đọc hiểu sâu sắc về đức tính giản dị của Bác? | - Hs nêu  - Hs trình bày  - Hs xác định  - Hs nêu luận điểm  - Hs nêu bố cục bài văn  - Hs nhận xét  - Hs phân tích | **I. Lý thuyết**  a.Tác giả:  + Phạm Văn Đồng (1906- 2000), quê Đức Tân – Mộ Đức – Quảng Ngãi.  + Là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn của đất nước.  b. Tác phẩm: Đức tính giản dị của Bác Hồ trích từ bài “Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Bố cục: 2 phần  - Mở bài: Đoạn 1(câu 1,2 chính + đoạn nhỏ 2)  - Thân bài: Còn lại  - Kết bài: Không có (vì đây là một đoạn trích)  **Câu 2:**  Luận điểm chính: “ Điều quan trọng nhất… đời sống bình thường, vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch”  - Tác giả chứng minh đức tính giản dị của Bác Hồ qua các phương diện:  + Bữa ăn hằng ngày  + Nhà ở  + Việc làm  + Lời nói, bài viết  **Câu 3:**  Tác dụng của các trạng ngữ trong đoạn trích:  - Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.  - Nối kết các câu, các đoạn với nhau góp phần làm cho đoạn văn được mạch lạc. Trình tự lập luận của bài:  - Phần đầu: Sự giản dị của Bác thể hiện ở bữa ăn, căn nhà, lối sống  - Phần tiếp: Đưa ra các luận cứ chứng minh nhận định trên  + Bữa ăn thanh đạm  + Căn nhà đơn sơ, gần gũi thiên nhiên  + Công việc bận rộn nhưng Bác không muốn làm phiền ai  + Giản dị trong lời nói bài viết  Bố cục:  Mở bài: Sự nhất quán giữa cuộc đời cách mạng và cuộc sống giản dị, thanh bạch ở Bác Hồ.  Thân bài: Chứng minh sự giản dị của Bác Hồ trong con người, sinh hoạt, lốì sống, việc làm cụ thể:  + Bữa ăn chỉ vài ba món đơn giản  + Cái nhà sàn chỉ hai, ha phòng, hòa cùng thiên nhiên.  + Việc làm: Từ việc nhỏ đến việc lớn ít cần đến người phục vụ.  + Sự giản dị trong đời sống vật chất đi liền với đời sống tinh thần phong khoáng, cao đẹp  + Giản dị trong lời nói bài viết.  Kết bài: Đề cao tấm gương giản dị của Bác Hồ để chúng ta noi gương tập ở Bác  **Câu 4:** Nhận xét nghệ thuật chứng minh của tác giả ở đoạn văn này:  - Để chứng minh nhằm thuyết phục, tác giả phải đưa ra một hệ thống luận đầy đủ, chặt chẽ và những dẫn chứng chính xác, cụ thể, toàn diện làm sáng từng luận cứ.  - Trong phần đầu, tác giả đã xác định phạm vi vấn đề cần chứng minh. Đó sự giản dị của Bác Hồ thể hiện ở bữa ăn, căn nhà, lối sống. Trong phần tiếp theo, tác giả lần lượt đưa ra các chứng cứ để làm rõ từng điểm nêu trên. Ở luận cứ tác giả chọn lọc những dẫn chứng cụ thể, rõ ràng, xác thực.  Ví dụ: Sự giản dị trong bữa ăn, lần lượt các chứng cứ được nêu ra:  + Chỉ vài ba món giản đơn.  + Lúc ăn không để rơi vãi một hạt cơm.  + Ăn xong, cái bát hao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất.  - Để kết lại ý này, tác giả đưa ra một nhận xét, kinh nghiệm về ý nghĩa sâu của sự giản dị trong bữa ăn của Bác. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như nào người phục vụ.  - Những chứng cứ ở đoạn này giàu sức thuyết phục, vì:  + Luận cứ toàn diện (giản dị trong con người, sinh hoạt, lối sống...)  + Dẫn chứng phong phú, cụ thể, xác thực.  + Những điều tác giả nói được đảm bảo bằng mối quan hệ gần gũi, lâu dài, gắn bó của tác giả với Chủ tịch Hồ Chí Minh**.**  **Câu 5:**  - Tác giả đã giải thích, bình luận vồ đức tính giản dị của Bác Hồ:  + Đó là giản dị về đời sống vật chất là bởi Bác Hồ sống phong phú đời sống tinh thần và cuộc đấu tranh sôi nổi của quần chúng.  + Sự giản dị về vật chất càng làm bật sự phong phú về đời sống tinh thần, trong tâm hồn, tình cảm. Đó thực sự một đời sống văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng. |

***4. Củng cố:*** Nhận xét về nghệ thuật nghị luận trong bài văn này?

Ngày giảng: ngày 22 tháng 02 năm 2021

**TUẦN 24**

**Tiết 47,48:**

**CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được khái niệm câu chủ động, câu bị động.

- Nắm được mục đích và thao tác chuyển đôi câu chủ động thành câu bị động..

**2. Kĩ năng** :

- Rèn kỹ năng sử dụng câu chủ động và câu bị động linh hoạt trong nói và viết.

**3. Thái độ**:

- Ý thức học bài nghiêm túc tích cực..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Nêu khái niệm câu chủ động và bị động?  ? Mục đích của việc chuyển đổi câu?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Tìm câu bị động trong các đoạn trích dưới đây. Giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy.  *“ Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.*  (Hồ Chí Minh)  *- Người đầu tiên chịu ảnh hưởng thơ Pháp rất đậm là Thế Lữ. Những bài thơ có tiếng của Thế Lữ ra đời từ đầu năm 1933 đến 1934. Giữa lúc người thanh niên Việt Nam bấy giờ ngập trong quá khí đến tận cổ thì Thế Lữ đưa về cho họ cái hương vị phương xa. Tác giả “Mấy vần thơ” liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.*  (Theo Hoài Thanh)  **Câu 2:**  (trang 65 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Chuyển đổi mỗi câu chủ động dưới đây thành hai câu bị động theo hai kiểu khác nhau.  a*) Một nhà sư vô danh đã xây ngôi chùa ấy từ thế kỉ XIII.*  *b) Người ta làm tất cả cánh cửa chùa bằng gỗ lim.*  *c) Chàng kị sĩ buộc con ngựa bạch bên gốc đào.*  *d) Người ta dựng một lá cờ đại ở giữa sân.*  **Câu 3:** ((trang 65 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Chuyển đổi mỗi câu chủ động cho dưới đây thành hai câu bị động - một câu dùng từ được, một câu dùng từ bị. Cho biết sắc thái nghĩa của câu dùng từ được với câu dùng từ bị có gì khác nhau.  *a) Thầy giáo phê bình em.*  *b) Người ta đã phá ngôi nhà ấy đi.*  *c) Trào lưu đô thị hóa đã thu hẹp sự khác biệt giữa thành thị với nông thôn.*  **Câu 4:** ((trang 65 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Viết một đoạn văn ngắn nói về lòng say mê văn học của em hoặc về ảnh hưởng của tác phẩm văn học đối với em, trong đó có dùng ít nhất một câu bị động. | - Hs khái niệm  - Hs trình bày  - Hs tìm câu bị động trong các đoạn trích  - Hs chuyển đổi mỗi câu chủ động  - Hs chuyển đổi mỗi câu chủ động  - Hs viết đoạn văn | **I. Lý thuyết**  - Câu chủ động là câu có chủ nghĩa chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác – chủ ngữ chỉ chủ thể hành động  - Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người vật được hoạt động của người, vật khác hướng vào, chu ngữ chỉ đối tượng của hoạt động.  - Việc chuyên đổi câu chủ động thành câu bị động ( và ngược lại, chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động) ở mỗi đoạn văn nhằm liên két các câu trong đoàn thành một mạch văn thống nhất.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Trong hai đoạn văn, câu bị động là:  + a. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.  + b. Người đầu tiên chịu ảnh hưởng của thơ Pháp rất đậm là Thế Lữ.; Tác giả "Mấy vần thơ" liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ.  - Tác giả chọn cách dùng câu bị động như vậy vì:  + a. Trong trường hợp này, các câu bị động được lược bỏ thành phần chủ ngữ. Có thể khôi phục: Có khi tinh thần yêu nước được người ta trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi tinh thần yêu nước (được) người ta cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Việc lược bỏ chủ ngữ là nhằm tránh lặp thừa. Câu bị động trong đoạn văn này được sử dụng để đảm bảo sự liên kết. Đối tượng nói đến ở đây là tinh thần yêu nước chứ không phải chủ thể của tinh thần yêu nước. Câu đầu đoạn văn thể hiện rõ điều này.  + b. Chủ đề của đoạn văn này là nói về Thế Lữ - "Người đầu tiên..." - "Tác giả "Mấy vần thơ"..." chứ không phải nói về thơ Pháp, hay những người tôn vinh ông. Hai câu bị động có chủ ngữ cùng hướng về một đối tượng và cùng thống nhất với chủ đề của đoạ  **Câu 2:**  a)  - Ngôi chùa ấy được (một nhà sư vô danh) xây từ thế kỉ XIII.  - Ngôi chùa ấy xây từ thế kỉ XIII.  b) - Tất cả cánh cửa chùa được (người ta ) làm bằng gỗ lim.  - Tất cả các cánh cửa chùa làm bằng gỗ lim.  c) - Con ngựa bạch được (chàng kị sĩ) buộc bên cây đào.  - Con ngựa bạch buộc bên gốc đào.  d) - Lá cờ đại được (người ta) dựng ở giữa sân.  - Lá cờ đại được dựng giữa sân.  **Câu 3:**  a)  - Em bị thầy giáo phê bình. (Em cho rằng, để thầy giáo phê bình là điều tồi tệ)  - Em được thầy giáo phê bình. (Em cho rằng mình sẽ tốt hơn nhờ sự phê bình của thầy giáo).  b) Ngôi nhà ấy đã bị (được) người ta phá đi.  c) Sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn đã bị / được trào lưu đô thị hóa thu hẹp.  Câu dùng với từ bị mang sắc thái tiêu cực. Câu dùng với từ được mang sắc thái tích cực.  **Câu 4:**  Mùa khô đã tới. Nạn hạn hán xảy ra. Hàng trăm mảnh ruộng bị khô nứt. Hàng ngàn cây bị héo. Chúng sẽ được người ta gom về chỉ để làm củi. Nhưng đâu có gì để nấu. Người ta đang bị đói. Rau xanh bị còi. Cỏ cũng úa vàng. Mấy con gà toi đã trở thành món quý. Chúng được bỏ vào nồi bởi lẽ không còn gì cho chúng ăn. Vài hạt mè cũng bị giành giật. Côn trùng cũng bị biến mất. Nhanh lắm là hai ngày nữa họ mới được phát lương khô với nước uống. Thuốc cũng được mang đến. Đó là hàng cứu trợ của Tổ chức Y tế thế giới. Mấy búp non đã bị các chú sâu ngôn dần. Lá già thì bị quặn lại. Cụm cải này bị tàn mất. Nhưng không! Dường như có hai chồi được đâm ra từ phía dưới thân kia. Hôm nọ, vạt cải này đã được cậu chủ châm bón, xịt thuốc. Các cụm cải đang được hồi sinh. |

***4. Củng cố:*** - Nêu cách chuyển câu chủ động thành câu bị động? Cho ví dụ?

Ngày giảng: ngày 01 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 25**

**Tiết 49,50:**

**Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về nguồn gốc cốt yếu, nhiệm vụ và công dụng của văn chương trong lịch sử loài người.

- Hiểu được phần nào phong cách văn nghị luận của nhà phê bình kiệt xuất Hoài Thanh.

**2. Kĩ năng** :

- Phân tích một văn bản nghị luận.

**3. Thái độ**:

Có thái độ yêu quý, trân trọng các tác phẩm văn chương và thấy được giá trị của văn chương đối với đời sống.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ?Nêu những hiểu biết của em về tác?  ? Nêu xuất xứ của tác phẩm?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** ? Xác định bố cục của văn bản?  **Câu 2:**  Theo Hoài Thanh, nguồn gốc cốt yếu của văn chương là gì? Hãy chú ý đến nghĩa của hai từ cốt yếu (chính, quan trọng nhất nhưng chưa phải là tất cả) và đọc bốn dòng đầu của văn bản để tìm ý trả lời.  **Câu 3:** trang 62 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Hoài Thanh viết: “Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng. Chẳng những thế văn chương còn sáng tạo ra sự sống.. ”. Hãy đọc lại chú thích 5 rồi giải thích và tìm dẫn chứng để làm rõ các ý đó.  .  **Câu 4** (trang 62 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Theo Hoài Thanh, công dụng của văn chương là gì? Hãy đọc đoạn văn từ "Vậy thì, hoặc hình dung sự sống" đến hết văn bản để tìm ý trả lời.  **Câu 5:**(trang 62 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Đọc lại những kiến thức về bài văn nghị luận đã học trong phần Tập làm văn ở Bài 18, 19, 20, từ đó trả lời các câu hỏi:  a) Văn bản ý nghĩa văn chương thuộc loại văn bản nghị luận nào trong hai loại sau? Vì sao?  - Nghị luận chính trị - xã hội;  - Nghị luận văn chương.  b) Văn nghị luận của Hoài Thanh (qua Ý nghĩa văn chương) có gì đặc sắc? Hãy chọn một trong các ý sau để trả lời:  - Lập luận chặt chẽ, sáng sủa;  - Lập luận chặt chẽ, sáng sủa và giàu cảm xúc;  - Vừa có lí lẽ, vừa có cảm xúc, hình ảnh.  Tìm một đoạn trong văn bản đế làm dần chứng và làm rõ ý đã chọn. | - Hs nêu  - Hs trình bày  - Hs xác định  - Hs phân tích  - Hs tìm dẫn chứng  - Hs cảm nhận  - Hs nhận xét | **I. Lý thuyết**  a. Tác giả: Hoài Thanh (1909- 1982) quê: Nghi Trung – Nghi Lộc – Nghệ An.  - Là một nhà phê bình văn học nổi tiếng ở Việt Nam.  - Được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn hoá nghệ thuật (2000)  - Tác phẩm nổi tiếng: Thi Nhân Việt Nam (1942)  **II. Luyện tập**  **Câu 1:** Bố cục (3 phần):  - Đoạn 1 (từ đầu … muôn loài): Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.  - Đoạn 2 (tiếp … sáng tạo ra sự sống): Nhiệm vụ của văn chương.  - Đoạn 3 (còn lại): Công dụng của văn chương.  **Câu 2:**  Nguồn gốc cốt yếu của văn chương:  - “Cốt yếu” là nói cái chính, cái quan trọng nhất chứ chưa phải là tất cả. Vậy theo Hoài Thanh: "Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài". Nói như vậy là rất đúng, nhưng vẫn có cách quan niệm khác, có thể bổ sung cho nhau. Ví dụ: “Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.  **Câu 3:**  Trong nội dung lời văn của Hoài Thanh có hai ý chính:  a) Văn chương sẽ là hình dung của sự sống muôn hình vạn trạng.  b) Văn chương còn sáng tạo ra sự sống.  - Ý thứ nhất nghĩa là: Cuộc sống của con người, cùa xã hội vốn là muôn hình vạn trạng. Văn chương có nhiệm vụ phản ánh cuộc sống đó. Ớ đây, “hình dung” là danh từ, nó có ý nghĩa như hình ảnh, kết quả của sự phản ánh, sự miêu tả trong văn chương.  - Ý thứ hai nghĩa là: Văn chương dựng lên những hình ảnh đưa ra những ý tưởng mà cuộc sống hiện đại chưa có, hoặc chưa cần để mọi người phấn đấu xây dựng, biến chúng thành hiện thực tốt đẹp trong tương lai.  **Câu 4:**  Công dụng của văn chương là: giúp cho người đọc có tình cảm, có lòng vị tha, “gây cho ta những tình cảm không có, luyện những tình cảm ta sẵn có”, biết cái đẹp, cái hay của cảnh vật, thiên nhiên. Lịch sử loài người, nếu xóa bỏ văn chương thì sẽ xóa bỏ hết dấu vết của chính nó, sẽ nghèo nàn về tâm linh đến mức nào.  **Câu 5:**  a) Văn bản Ý nghĩa văn chương thuộc văn nghị luận văn chương, vì phạm vi nghị luận là thuộc vấn đề của văn chương.  b) Đặc sắc của văn nghị luận Hoài Thanh (qua Ý nghĩa văn chương ) là vừa có lí lẽ, vừa có cảm xúc và hình ảnh.  - Ví dụ như trong đoạn văn mở đầu: “Người ta kể… nguồn gốc của thi ca.”  + Đoạn này nghị luận về nguồn gốc của thi ca  + Tác giả lấy dẫn chứng từ một câu chuyện có từ xa xưa về thi sĩ Ấn Độ |

***4. Củng cố:*** phong cách văn nghị luận của nhà phê bình kiệt xuất Hoài Thanh.

Ngày giảng: ngày 08 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 26**

**Tiết 51,52:**

**SỐNG CHÉT MẶC BAY**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được giá trị hiện thực, nhân đạo và những thành công nghệ thuật của truỵên ngắn “Sống chết mặc bay”

**2. Kĩ năng** :

- Đọc, kể, hiểu, tóm tắt, phân tích truyện..

**3. Thái độ**:

- Có ý thức bảo vệ và phát huy tinh thần đoàn kết

- Cảm thông với số phận những người dân bất hạnh.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ?Nêu những hiểu biết của em về tác?  ? Nêu xuất xứ của tác phẩm?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** ? Xác định bố cục của văn bản?  **Câu 2:**  trang 81 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Phép tương phản (cũng gọi là đối lập) trong nghệ thuật là việc tạo ra những hành động, những cảnh tượng, những tính cách trái ngược nhau để qua đó làm nổi bật một ý tưởng bộ phận trong tác phẩm hoặc tư tưởng chính của tác phẩm.  Dựa vào định nghĩa trên, em hãy:  a) Chỉ ra hai mặt tương phản cơ bản trong truyện Sống chết mặc bay.  b) Phân tích làm rõ từng mặt trong sự tương phản đó. (Chú ý đến các chi tiết thuộc về cảnh người dân đang hộ đê trong trạng thái nguy kịch và các chi tiết thuộc về cảnh tên quan đang cùng nha lại chơi bài trong đình với không khí tĩnh mịch, trang nghiêm.  c) Chỉ qua hai mặt tương phản, hình ảnh tên quan phủ đi "hộ đê" được tác giả khắc họa như thế nào. (Chú ý đên các chi tiết thuộc về: chỗ ở, điều kiện sinh hoạt trong khi đi "đốc thúc việc hộ đê"; cách ngồi, tư thế, giọng điệu ngôn ngữ trước bọn nha lại, chánh tổng..., đặc biệt là thái độ, cách nói khi đã có tin đê vỡ.)  d) Nêu lên dụng ý của tác giả trong việc dựng cảnh tương phản này.  **Câu 3:** trang 82 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):rong nghệ thuật văn chương còn có phép tăng cấp (lần lượt đưa thêm chi tiết và chi tiết sau phải cao hơn chi tiết trước), qua đó làm rõ thêm bản chất một sự việc, một hiện tượng muốn nói. Trong Sống chêt mặc bay, tác giả đã kết hợp khéo léo phép tương phản và phép tăng cấp để bộc lộ rõ nét tính cách của nhân vật.  Em hãy phân tích, chứng minh ý kiến trên bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  a) Sự tăng cấp trong việc miêu tả mức độ của trời mưa, của độ nước sông dâng cao, của nguy cơ vỡ đê, của cảnh vỡ đê vất vả, căng thẳng của người dân (trong đó có mức độ của tiếng trống đánh, ốc thổi, tiếng người gọi nhau sang hộ đê) là thế nào?  b) Sự tăng cấp trong việc miêu tả mức độ đam mê bài bạc của tên quan như thế nào?  c) Hãy nhận xét về tác dụng của sự kết hợp hai nghệ thuật tương phản và tăng cấp trong việc vạch trần bản chất "lòng lang dạ thú" của tên quan phủ trước sinh mạng của người dân.  **Câu 4**  Trả lời câu 4 (trang 82 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Hãy phát biểu chung về giá trị hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật (ngôn ngữ và hình tượng nhân vật,...) của truyện Sống chết mặc bay.  .  **Câu 5:** trang 83 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Qua ngôn ngữ đối thoại của quan phủ, em thấy tính cách của nhân vật đó như thế nào? Hãy nêu nhận xét về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tính cách nhân vật. | - Hs nêu  - Hs trình bày  - Hs xác định  - Hs phân tích  - Hs tìm dẫn chứng  - Hs cảm nhận | **I. Lý thuyết**  a.Tác giả:  - Phạm Duy Tốn (1883- 1924), quê: PhượngVũ - Thường Tín - Hà Tây (Nay thuộc Hà Nội)  - Là một trong số ít người có thành tựu đầu tiên về thể loại truyện ngắn hiện đại.  b. Tác phẩm:  - Tác phẩm “Sống chết mặc bay” là tác phẩm thành công nhất của ông .  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  **Câu 2:** Bố cục: 3 phần  - Đoạn 1: Từ đầu => khúc đê này hỏng mất.  - Nguy cơ vỡ đê và sự chống cự tuyệt vọng của nhân dân.  - Đoạn 2: ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn  Điếu mày!: Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm trong khi đi hộ đê.  - Đoạn 3: Phần còn lại: Cảnh đê vỡ nhân dân lâm vào tình trạng thảm sầu.  **Câu 2:**  Theo định nghĩa về phép tương phản:  a) Hai mặt tương phản cơ bản trong truyện Sống chết mặc bay: Một bên là người dân vật lộn, chống chọi với mưa gió hết sức căng thẳng, vất vả. Bên kia là viên quan đi hộ đê ngồi trong chỗ an toàn, nhàn nhã, mải mê bài bạc, không cho phép ai quấy rầy ván bài của mình, coi việc đánh bài là trên hết, mặc dân sống chết khi đê vỡ.  b) Những người dân hộ đê: Làm việc liên tục từ chiều đến gần một giờ đêm. Họ bì bõm dưới bùn lầy, ướt như chuột lột, ai ai cũng mệt lử cả rồi; trong khi mưa tầm tã trút xuống, nước sông cuồn cuộn bốc lên. Tác giả nhận xét: “Tình cảnh trông thật là thảm”.  c) Viên quan đi hộ đê thì ngồi trong đình ở chỗ cao ráo, an toàn. Người gãi chân, kẻ quạt mát, các tay chân ngồi hầu bài. Khung cảnh nhàn nhã, đường bệ, nguy nga. Quan chỉ mê bài. Đáng lẽ phải tắm mưa, gội gió, đứng trên đê đốc thúc, thì quan lại ngồi chơi nhàn nhã, có kẻ hầu, người hạ. Quan gắt khi có người báo tin đê vỡ. Quan đỏ mặt tía tai đòi cách cổ, bỏ tù người dân báo đê vỡ. Và y tiếp tục vui mừng vì đã ù ván bài, mặc cho dân rơi vào cảnh đê vỡ, “tình cảnh thảm sầu” không sao kể xiết.  d) Tác giả dựng lên hai cảnh tương phản nhằm mục đích so sánh, làm nổi bật sự đối lập. Người có trách nhiệm thì vô trách nhiệm, chỉ ham mê bài bạc. Những người dân thì phải dầm mưa gội gió, nhọc nhằn, chống chọi với thiên nhiên một cách tuyệt vọng. Cuối cùng, sự vô trách nhiệm của viên quan đã dẫn đến cảnh đê vỡ. Quan thì sung sướng vì nước bài cao, dân thì khổ vì nước lụt.  Nguồn gốc cốt yếu của văn chương:  - “Cốt yếu” là nói cái chính, cái quan trọng nhất chứ chưa phải là tất cả. Vậy theo Hoài Thanh: "Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài". Nói như vậy là rất đúng, nhưng vẫn có cách quan niệm khác, có thể bổ sung cho nhau. Ví dụ: “Văn chương bắt nguồn từ cuộc sống lao động của con người.  **Câu 3:**  a) Phép tăng cấp đã được sử dụng để miêu tả tình cảnh nguy ngập của khúc đê. Mưa mỗi lúc một tầm tã. Nước sông càng dâng cao. Dân chúng thì đuối sức, mệt lử cả rồi.  b) Phép tăng cấp cũng được sử dụng để miêu tả thái độ vô trách nhiệm, lòng lang dạ thú của viên quan. Viên quan hộ đê không cùng dân chống đỡ mà ngồi trong đình vững chãi, an toàn. Bao kẻ phải hầu hạ quan. Không phải là vì công việc mà chỉ vì một thú chơi bài. Quan chơi bài nhàn nhã, ung dung. Quan gắt khi có người quấy rầy. Quan quát mắng, đòi cách cổ, bỏ tù khi có người báo đê vỡ. Quan sung sướng vì ván bài ù. Mức độ vô trách nhiệm và cáu gắt vô lí của quan càng thể hiện rõ nét.  c) Sự kết hợp của nghệ thuật tương phản và tăng cấp đã tố cáo và phê phán hành động ham mê bài bạc và vô trách nhiệm của viên quan. Nếu viên quan chỉ ham đánh bạc thì đó là thói xấu trong sinh hoạt của cá nhân y. Nhưng y đánh bạc khi làm công vụ, cụ thể là khi đi hộ đê, liên quan đến tính mạng và tài sản của dân chúng thì đó là sự vô trách nhiệm. Y thắng ván bài đã chờ thì y sung sướng là lẽ thường tình. Nhưng y thắng bài khi đê vỡ, y sung sướng khi bao người dân khổ sở, cùng cực thì sự vui mừng của y là một hành động phi nhân tính của kẻ lòng lang dạ thú. Chính sự kết hợp này đã làm cho tính chất tố cáo và phê phán thêm sâu sắc.  **Câu 4:**  + Giá trị hiện thực của truyện Sống chết mặc bay là đã phản ánh bộ mặt của giai cấp thống trị mà tiêu biểu là tên quan có vai trò “cha mẹ” người dân nhưng đã chỉ ham mê bài bạc, hết sức vô trách nhiệm, làm cho dân chúng khốn khổ vì đê vỡ, nước lụt.  + Giá trị nhân đạo của truyện là đã cảm thông với sự vất vả, khốn khổ của người lao động trước cảnh thiên tai xảy ra do thái độ vô trách nhiệm của bọn quan lại.  + Giá trị nghệ thuật: Đây là truyện ngắn viết theo kiểu hiện đại bằng chữ Quốc ngữ. Nhân vật đã bước đầu có tính cách. Tác giả đã sử dụng biện pháp tương phản, tăng cấp, kết hợp với lời bình luận trực tiếp để tố cáo và phê phán. Nhân vật quan phụ mẫu đã bộc lộ bản chất xấu xa, vô trách nhiệm qua các hành động, lời nói của y với tay chân và với người dân.  **Câu 5:**  Qua ngôn ngữ đối thoại của tên quan phủ, có thể thấy hắn hiện lên với một nhân cách xấu xa, bỉ ổi. Đó là một tên quan vô trách nhiệm, tham lam và tàn bạo. Từ đây cũng cần phải rút ra một nhận định rằng: trong tác phẩm tự sự ngôn ngữ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành nên tính cách của nhân vật. |

***4. Củng cố:*** Nêu nhận xét của em về đoạn văn miêu tả cảnh hộ đê của người dân?

Ngày giảng: ngày 15 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 27**

**Tiết 53,54:**

**DÙNG CỤM CHỦ - VỊ ĐỂ MỞ RỘNG CÂU**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được cách dùng cụm chủ vị để mở rộng câu

- Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu hợp lý và khi cần thiết..

**2. Kĩ năng** :

- Dùng cụm C-V để mở rộng câu,biết phát hiện câu mở rộng.

**3. Thái độ**:

- -Ý thức học thường xuyên.Yêu thích Tiếng Việt, có ý thức giữ gìn và phát huy sự giàu đẹp của Tiếng Việt...

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Thế nào là cụm chủ - vị mở rộng?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** Tìm cụm C - V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu dưới đây. Cho biết trong mỗi câu, cụm C - V làm thành phần gì?  a) *Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được, người ta gặt mang về*.  (Thạch Lam)  b) *Trung đội trưởng Bính khuôn mặt đầy đặn.*  (Trần Đăng)  c) *Khi các cô gái Vòng đỗ gánh, giở từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.*  (Thạch Lam)  d) *Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình*.  (Nam Cao)  **Câu 2:**  (trang 96 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Tìm cụm C - V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ trong các câu dưới đây. Cho biết trong mỗi câu, cụm C - V làm thành phần gì.  a) *Khí hậu nước ta ấm áp cho phép ta quanh năm trồng trọt, thu hoạch bốn mùa.*  (Hồ Chí Minh)  b) *Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay*.  (Hoài Thanh)  c*) Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nhoáng và thô kệch bắt chước người nước ngoài [...].*  (Theo Thạch Lam)  **Câu 3:** (trang 97 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C - V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa của chúng.  a) *Chúng em học giỏi. Cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.*  *b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định: "Cái đẹp là cái có ích".*  *c) Tiếng Việt rất giàu thanh điệu. Điều đó khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.*  *d) Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.*  **Câu 4:** trang 97 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Gộp mỗi cặp câu hoặc vế câu (in đậm) dưới đây thành một câu có cụm C - V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ. (Khi gộp, có thể thêm hoặc bớt những từ cần thiết nhưng không làm thay đổi nghĩa chính của các câu và vế câu ấy.)  a) *Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.*  (Ca dao)  b) *Đây là cảnh một rừng thông. Ngày ngày biết bao nhiêu người qua lại. Nhưng bao nhiêu người qua lại cũng chỉ mải suy tính xem rừng này mỗi năm lấy được bao nhiêu nhựa thông, bao nhiêu củi thông. Đến lúc có người nhìn cảnh chỉ vì mến cảnh và biết quên mình trong cảnh, từ lúc ấy mới có văn thơ*.  (Hoài Thanh)  c) *Hàng loạt vở kịch như "Tay người đàn bà", "Giác ngộ", "Bên kia sông Đuống",... ra đời. Sự ra đời của các vở kịch ấy đã sưởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nước.*  (Theo Đình Quang) | - Hs khái niệm  - Hs tìm cụm C - V  - Hs tìm cụm C - V  - Hs gộp câu  - Hs gộp câu | **I. Lý thuyết**  - Mở rộng câu là thêm thành phần phụ cho câu, nhằm cụ thể hoá, chi tiết hoá sự diễn đạt.  Dùng cụm C – V làm thành phần câu là một trong những cách mỏ rộng câu.  Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C – V, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng.  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  Những cụm chủ - vị trong các câu như sau:  a) Chỉ riêng những người chuyên môn mới định được.  ⟶ Cụm chủ - vị làm định ngữ.  b) khuôn mặt đầy đặn.  ⟶ Cụm chủ - vị làm vị ngữ  c) Các cô gái làng Vòng đỗ gánh  ⟶ Làm định ngữ  - hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may một chút bụi nào.  Ở đây là kết cấu vị ngữ - chủ ngữ, một biến thể của chủ - vị.  Có thể hiểu: “Từng là cốm hiện ra (...) bụi nào”  ⟶ Cụm chủ - vị này làm bổ ngữ cho câu.  d) một bàn tay đập vào vai  ⟶ Cụm chủ - vị làm chủ ngữ.  .  **Câu 2:**  Trong các câu đã cho có:  a) Cụm chủ - vị làm chủ ngữ:  Khí hậu nước ta //ấm áp.  b) Hai cụm chủ - vị làm phụ ngữ của cụm danh từ.  \* hoa cỏ // trông mới đẹp.  \* tiếng chim, tiếng suối // nghe mới hay.  c) Hai cụm chủ - vị làm phụ ngữ của cụm động từ.  \* Những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần.  \* Những thức quý của (...) người ngoài [...]  **Câu 3:**  Gộp câu:  a) Chúng em học giỏi làm cho cha mẹ và thầy cô vui lòng.  b) “Cái đẹp là cái có ích ” đã được nhà văn Hoài Thanh khẳng định.  c) Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương trầm bổng như một bản nhạc.  d) Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.  .  **Câu 4:**  Gộp câu để cụm chủ - vị làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ.  a) Anh em hòa thuận làm cho hai thân vui vầy.  b) Đây là cảnh một cánh rừng thông ngày ngày biết bao nhiêu người qua lại.  c) Hàng loạt vở kịch như “Taỵ người đàn bà”, “Giác ngộ", “Bên kia sông Đuống ”,... ra đời đã sưởi ấm cho ánh đèn sân khấu ở khắp mọi miền đất nước. |

***4. Củng cố:*** Lấy ví dụ về trường hợp dùng C-V để mở rộng câu

Ngày giảng: ngày 22 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 28**

**Tiết 55:**

**CA HUẾ SÔNG HƯƠNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Thấy được vẻ đẹp của một sinh hoạt văn hoá ở Cố Đô Huế, một vùng dân ca phong phú về nội dung, giàu có về làn điệu và những con người tài hoa.

**2. Kĩ năng** :

- Tìm hiểu văn bản nhật dụng kỹ năng phân tích nhân vật

**3. Thái độ**:

- Có ý thức giữ gìn những nét đẹp của văn hoá dân tộc.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Thế nào là ca Huế?  ? Có thể chia văn bản thành mấy phần?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 103 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Trước khi đọc bài này, em đã biết gì về cố đô Huế? Hãy nêu một vài đặc điểm tiêu biểu của xứ Huế mà em biết.  **Câu 2:**  (trang 103 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Hãy thống kê tên các làn điệu dân ca Huế và tên những dụng cụ âm nhạc được nhắc tới trong bài văn, để thấy sự đa dạng phong phú của hình thức ca Huế trên sông Hương.  **Câu 3:** trang 103 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Sau khi đọc bài văn trên, em biết thêm gì về vùng đất này? | - Hs nêu  - Hs trình bày  - Hs nêu một vài đặc điểm tiêu biểu  - Hs thống kê  - Hs phân tích  - Hs cảm nhận | **I. Lý thuyết**  - Ca Huế: Là dân ca Huế nói riêng và vùng Thừa Thiên Huế nói chung.  - Bố cục: (Cách chia tương đối)  a) Giới thiệu sơ lược về một số điệu dân ca Huế  b) Tả lại một đêm trăng nghe đờn ca trên sông Hương  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Huế từng là kinh đô nhà Nguyễn, hiện tại là cố đô đẹp và cổ kính bên bờ sông Hương  - Huế thơ mộng và trữ tình với điệu Nam ai Nam bình với di sản Nhã nhạc cung đình Huế  - Nhiều danh lam thắng cảnh đẹp lăng Tự Đức, Khải Định, Minh Mạng, chùa Thiên Mụ, biển Lăng Cô, núi Ngự Bình…  **Câu 2:** Bố cục: 3 phần  - Đoạn 1: Từ đầu => khúc đê này hỏng mất.  - Nguy cơ vỡ đê và sự chống cự tuyệt vọng của nhân dân.  - Đoạn 2: ấy, lũ con dân đang chân lấm tay bùn  Điếu mày!: Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm trong khi đi hộ đê.  - Đoạn 3: Phần còn lại: Cảnh đê vỡ nhân dân lâm vào tình trạng thảm sầu.  **Câu 3:**  Sau khi đọc bài văn trên, em biết thêm về vùng đất Huế.  + Nguồn gốc của một số làn điệu ca hát Huế.  + Vẻ đẹp, phong phú đa dạng của các làn điệu dân ca Huế (điệu ca, nhạc cụ, các ngón đàn). |

***4. Củng cố:*** Trình bày các laị hình dân ca và nhạc cụ xứ Huế?

Ngày giảng: ngày 21 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 28**

**Tiết 56:**

**LIỆT KÊ**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Hiểu được thế nào là phép liệt kê, tác dụng của phép liệt kê, phân biệt được các kiểu liệt kê

**2. Kĩ năng** :

- Phân tích tác dụng, sử dụng phép liệt kê trong khi nói và viết.

**3. Thái độ**:

- Sử dụng, hiệu quả phép liệt kê trong khi nói và viết.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Nêu khái niệm câu liệt kê?  ? Các phương pháp liệt kê phổ biến?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 106 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Trong bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, để chứng minh cho luận điểm "Yêu nước là một truyền thống quý báu của ta", Chủ tịch Hồ Chí Minh đx sử dụng phép liệt kê nêu ra nhiều dẫn chứng sinh động, giàu sức thuyết phục. Hãy chỉ ra những phép liệt kê ấy.  **Câu 2:**  (trang 106 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Tìm phép liệt kê trong các đọa trích sau đây:  a) *Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đưởng, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo*!  (Nguyễn Ái Quốc)  b) *Tỉnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng*  *Em đã sống lại rồi, em đã sống!*  *Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung*  *Không giết được em, người con gái anh hùng!*  (Tố Hữu)  **Câu 3:** (trang 106 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Hãy đặt câu có sử dụng phép liệt kê để:  a) Tả một số hoạt động trên sân trường em trong giờ ra chơi.  b) Trình bày nội dung truyện ngắn Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu mà em vừa học.  c) Nói lên những cảm xúc của em về hình tượng nhà cách mạng Phan Bội Châu trong truyện ngắn Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu. | - Hs khái niệm  - Hs trình bày  - Hs chỉ ra những phép liệt kê  - Hs tìm phép liệt kê  - Hs tìm phép liệt kê | **I. Lý thuyết**  - Liệt kê là cách sắp xếp nhiều từ, cụm từ khác nhau, có thể là từ đồng âm hoặc không nhưng phải có chung một nghĩa. Hay nói cách khác thì liệt kê là cách dùng nhiều từ khác nhau để diễn tả một hành động, sự vật, sự việc.. Mục đích nhằm diễn tả các khía cạnh hoặc tư tưởng, tình cảm được đầy đủ, rõ ràng, chi tiết hơn đến với người đọc, người nghe.  - Dựa theo cấu tạo và ý nghĩa trong câu, có 4 kiểu liệt kê chính gồm:  + Liệt kê theo từng cặp  + Liệt kê không theo từng cặp  + Liệt kê tăng tiến  + Liệt kê không tăng tiến  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  - Trong bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ba lần dùng phép liệt kê để diễn tả đầy đủ, sâu sắc:  a) Sức mạnh của tinh thần yêu nước.  b) Lòng lự hào về những trang sử vẻ vang qua tấm gương của các vị anh hùng dân tộc  c) Sự đồng lòng nhất trí của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam đứng lên đánh Pháp. Chẳng hạn để làm sâu sắc và đầy đủ ý a) tác giả đã dùng liệt kê:  - Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn.  - Nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn.  - Nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.  **Câu 2:**  a) Trong đoạn này lác giả dùng hai lần phép liệt kê.  - Lần 1: dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm.  - Lần 2:  + Những cu li xe kéo tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mật đường nóng bỏng.  + Những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm.  + Những xâu lạp xưởng lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm.  + Cái rốn của một chú khách trưng ra giữa trời.  + Một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh hình chữ thập.  b) Phép liệt kê gồm:  Dòng thơ 3: Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung.  **Câu 3:** Đặt câu có sử dụng phép liệt kê.  a) Tiếng chuông báo hết tiết thứ hai vừa reo lên thì ở các cổng lớp túa ra sân trường những đàn ong vỡ lổ. Nơi này tụm năm tụm ba những bạn gái nhảy dây, nơi kia những bạn trai đang thi nhau sút phạt vào gôn nơi giới hạn của hai hòn gạch, và đằng xa có một cuộc bịt mắt bắt dê thật huyên náo...  b) Va-ren nói sẽ đem đến tự do cho Phan Bội Châu và tay nâng cái gông trên cổ Phan; hắn yêu cầu Phan phải trung thành và bán rẻ mình làm tay sai cho nước Pháp; hắn bày tỏ sự trân trọng Phan và muốn cùng Phan hợp tác để mị dân Việt Nam; hắn yêu cầu cụ Phan bỏ ý nghĩ phục thù để cộng tác với người Pháp... Hàng loạt những lời nói của Va-ren, bị cái im lặng của cụ Phan khinh bỉ. Đó là những trò lố bịch đáng khinh tởm.  c) Hình tượng nhà cách mạng Phan Bội Châu trong truyện ngắn Những trò lố hay Va-ren và Phan Bội Châu của Nguyễn Ái Quốc đã hiện lên là một nhà cách mạng vĩ đại; một trái tim yêu nước nồng nàn; một đấng thiên sứ xả thân cho độc lập, tự do của dân tộc; một con người dùng sự im lặng để khỉnh bỉ những lời ngon ngọt từ một tên phản hội nay đã là toàn quyền Va-ren. |

***4. Củng cố:*** Thế nào là phép liệt kê? Nêu các kiểu liệt kê? Và tác dụng của phép liệt kê?

Ngày giảng: ngày 29 tháng 03 năm 2021

**TUẦN 29**

**Tiết 57,58:**

**ÔN TẬP PHẦN VĂN**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm được nhan đề của các tác phẩm đã học trong chương trình ngữ văn 7, nội dung cơ bản của từng cụm bài, đặc trưng cơ bản của một số thể loại và sự giàu đẹp của Tiếng Việt, thể hiện trong các văn bản đã học.

**2. Kĩ năng** :

- So sánh và hệ thống hoá kiến thức.

- Đọc thuộc lòng thơ,lập bảng hệ thống phân loại.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập thường xuyên, nghiêm túc, thấy được cái hay,cái đẹp, ý nghĩa GD trong các tác phẩm đã học.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động : Luyện tập**  **Câu 1:** Em hãy nhớ và ghi lại tất cả nhan đề các văn bản (tác phẩm) đã được đọc - hiểu trong cả năm học. Sau đó đối chiếu với sách giáo khoa, tự kiểm tra và bổ sung những chỗ thiếu, sửa những chỗ sai rồi chép lại vào vở một cách đầy đủ, chính xác danh mục các văn bản đã học?  **Câu 2:**  ? Đọc lại các chú thích (\*) ở Bài 3,5,7,8; Làm thơ lục bát ở Bài 13; Ghi nhớ Bài 16 (Ôn tập tác phẩm trữ tình); chú thích (\*) ở Bài 18; câu 2 ở Bài 26 (phần Đọc - hiểu văn bản) để nắm chắc các định nghĩa về:  - Ca dao, dân ca;  - Tục ngữ;  - Thơ trữ tình;  - Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật;  - Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật;  - Thơ thất ngôn bát cú Đường luật;  - Thơ lục bát;  - Thơ song thất lục bát;  - Phép tương phản và phép tăng cấp trong nghệ thuật.  **Câu 3:**  (trang 128 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Những tình cảm, những thái độ thể hiện trong các bài ca dao, dân ca đã được học là gì? Học thuộc lòng những bài ca dao trong phần đọc chính.  **Câu 4:** (trang 128 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Các câu tục ngữ đã được học thể hiện những kinh nghiệm, thái độ của nhân dân đối với thiên nhiên, lao động sản xuất, con người và xã hội như thế nào?  **Câu 5:** (trang 128 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Những giá trị lớn về tư tưởng, tình cảm thể hiện trong các bài thơ , đoạn thơ trữ tình của Việt Nam và Trung Quốc (thơ Đường) đã được học là gì? Học thuộc lòng các bài thơ, đoạn thơ thuộc phần văn học trung đại của Việt Nam, hai bài thơ Đường (thơ dịch, tự chọn), hai bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  . | - Hs thống kê  - Hs định nghĩa  - Hs phân tích  - Hs phân tích  - Hs trả lời | **Luyện tập**  **Câu 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Tên tác phẩm** | **Tên tác phẩm** | | Cổng trường mở ra | Cổng trường mở ra | | Lý Lan | Lý Lan | | Mẹ tôi | Mẹ tôi | | Ét-môn-đô Đơ A-mi-xi | Ét-môn-đô Đơ A-mi-xi | | Cuộc chia tay của những con búp bê | Cuộc chia tay của những con búp bê | | Khánh Hoài | Khánh Hoài | | Những câu hát về tình cảm gia đình | Những câu hát về tình cảm gia đình | | Ca dao | Ca dao | | Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người | Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người | | Ca dao | Ca dao | | Những câu hát than thân | Những câu hát than thân | | Ca dao | Ca dao | | Những câu hát châm biếm | Những câu hát châm biếm | | Ca dao | Ca dao | | Sông núi nước Nam | Sông núi nước Nam | | Lý Thường Kiệt | Lý Thường Kiệt | | Phò giá về kinh | Phò giá về kinh | | Trần Quang Khải | Trần Quang Khải | | Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra | Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra | | Trần Nhân Tông | Trần Nhân Tông | | Bài ca Côn Sơn | Bài ca Côn Sơn | | Nguyễn Trãi | Nguyễn Trãi | | Sau phút chia li | Sau phút chia li | | Đoàn Thị Điểm | Đoàn Thị Điểm |   **Câu 2:**  - Ca dao, dân ca: Các thể loại trữ tình dân gian kết hợp với lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.  - Tục ngữ: những câu nói ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện kinh nghiệm của nhân dân được áp dụng vào cuộc sống.  - Thơ trữ tình: sự kết hợp giữa lời và nhạc mang tính biểu cảm nói lên tư tưởng, giá trị hiện thực của thời đó  - Thơ thất ngôn tứ tuyệt: gồm 4 câu, mỗi câu 7 chữ, trong đó có 1, 2, 4 hoặc chỉ câu 2 và 4 hiệp vần với nhau  - Thể thơ dân tộc: bắt nguồn từ ca dao, dân ca, với kết cấu theo từng cặp (câu 6/ câu 8). Vần bằng, lưng, liền, nhịp 2/2/2/2; 3/3/4/4; luật bằng trắc: 2B- 2T- 6B- 8B  - Thơ song thất lục bát: kết hợp giữa thể thơ thất ngôn đường luật và thơ lục bát, một khổ 4 câu ( 2 câu 6/ câu 8)  - Phép tương phản nghệ thuật: Sự đối lập giữa các hình ảnh, chi tiết, nhân vật, để tô đậm và nhấn mạnh đối tượng  **Câu 3:** Những tình cảm, thái độ được thể hiện trong cc bài ca dao:  - Tình thân gia đình  - Tình yêu quê hương đất nước  - Tình yêu bản thể  - Thái độ mỉa mai, châm biếm những thói hư tật xấu trong xã hội  Học thuộc những bài chính. Sau khi thuộc hãy ghi lại vắn tắt giá trị nội dung nghệ thuật của bài đó. Bổ sung thêm từ bài giảng của thầy cô cho chính xác và đầy đủ.  **Câu 4:**  Những kinh nghiệm, thái độ của nhân dân đối với thiên nhiên, lao động sản xuất, con người, xã hội:  - Câu tục ngữ thể hiện kinh nghiệm về thời tiết, chăn nuôi, trồng trọt, những kinh nghiệm về đời sống.  - Thể hiện thái độ tôn vinh những giá trị của con người.  **Câu 5**: Những giá trị lớn về tư tưởng, tình cảm thể hiện trong đoạn thơ, bài thơ trữ tình của Việt Nam và Trung Quốc:  - Tình yêu quê hương đất nước  - Tình yêu thiên nhiên  - Tình yêu cuộc sống: trân trọng vẻ đẹp của những người phụ nữ tài hoa, thương cảm cho những người phụ nữ bạc mệnh |

***4. Củng cố:*** - GV khái quát lại nội dung, kiến thức ôn tập?

Ngày giảng: ngày 05 tháng 04 năm 2021

**TUẦN 30**

**Tiết 59:**

**DẤU CHÁM LỬNG VÀ DẤU CHẤM PHẨY**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh nắm vững công dụng của dấu chấm lửng, dấu chấm hỏi.

**2. Kĩ năng** :

- Có ý thức dùng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy có hiệu quả trong nói và viết

**3. Thái độ**:

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt ..

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Nêu khái niệm dấu chấm phẩy và dấu chấm lửng?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 122 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Trong các câu sau, dấu chấm phẩy được dùng để làm gì? Có thể thay nó bằng dấu phẩy được không? Vì sao?  a) Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.  (Thạch Lam)  b) Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau: yêu nước, yêu nhân dân, trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; ghét bó lột, ăn bám và lười biếng; yêu lao động, coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng của mình; có tinh thần làm chủ tập thể, có bý thức hợp tác, giúp nhau; chân thành và khiêm tốn; quý trọng của công và có ý thức bảo vệ của công; yêu văn hóa, khoa học và nghệ thuật; có tinh thần quốc tế vô sản.  (Theo Trường Chinh)  **Câu 2:**  ((trang 123 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Trong mỗi câu có dấu chấm lửng dưới đây, dấu chấm lửng được dùng đề làm gì?  *a) - Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*  *- Dạ, bẩm...*  *- Đuổi cổ nó ra!*  (Phạm Duy Tốn)  b) *Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bào nhau chứ sao lại...*  (Đào Vũ)  c) *Cơm, áo, vợ, con, gia đình... bó buộc y.*  (Nam Cao)  **Câu 3:** (trang 123 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Nêu rõ công dụng của dấu chấm phẩy trong mỗi câu dưới đây:  a) *Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn*.  (Thép Mới)  b) *Con sông Thái Bình quanh năm vỗ sóng òm ọp vào sườn bãi và ngày ngày vẫn mang phù sa bồi cho bãi thêm rộng; nhưng mỗi năm vào mùa nước, cũng con sông Thái Bình mang nước lũ về làm ngập hết cả bãi Soi.*  (Đào Vũ)  c) *Có kẻ nói từ khi các thi sĩ ca tụng cảnh núi non, hoa cỏ, núi non, hoa cỏ trông mới đẹp; từ khi có người lấy tiếng chim kêu, tiếng suối chảy làm đề ngâm vịnh, tiếng chim, tiếng suối nghe mới hay.*  (Hoài Thanh) | - Hs khái niệm  - Hs thực hiện bài tập  - Hs nêu tác dụng các dấu câu  - Hs nêu rõ công dụng của các dấu | **I. Lý thuyết**  - Dấu chẩm phẩy “;” là dấu câu dùng để đánh dấu về ranh giới các vế ở câu ghép phức tạp hoặc dùng để đánh giới ranh giới giữa các bộ phận trong các phép liệt kê.  - Dấu chấm lửng (…) còn được gọi là dấu ba chấm (ba chấm đặt cạnh nhau theo chiều ngang).  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa hai vế của một câu ghép có quan hệ chặt chẽ với nhau về ý nghĩa, vế sau giải thích theo ý nghĩa cho vế trước.  Trong câu trên có thể thay dấu chấm phẩy (;) bằng dấu phẩy (,) hoặc thậm chí bằng dấu chấm (.). Các câu ghép ở các vế có thể được phân cách bằng dấu phẩy.  b) Dấu chấm phẩy ở đây dùng để ngăn cách các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp nhằm giúp người đọc hiểu được các bộ phận, các tầng bậc ý trong khi liệt kê.  Ta không nên thay dấu chấm phẩy (;) bằng dấu phẩy (,)  **Câu 2:**  Trong câu a dấu chấm lửng được dùng để hiểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng (- Dạ, bẩm...), câu b, biểu thị câu nói bị bỏ dở; câu c, biểu thị sự liệt kê chưa đầy đủ.  **Câu 3:**  a, Dấu chấm phẩy được dùng ngăn cách các vế trong câu ghép đẳng lập  b, Dấu chấm phẩy được dùng ngăn cách hai vế câu trong câu ghép  c, Dấu chấm phẩy được dùng ngăn cách hai tập hợp từ có quan hệ song song và đều làm phụ ngữ cho động từ nói. |

***4. Củng cố:*** Nêu tác dụng của dấu chấm lững và dấu chấm phẩy

Ngày giảng: ngày 05 tháng 04 năm 2021

**TUẦN 30**

**Tiết 60:**

**DẤU GẠCH NGANG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Tác dụng của dấu gạch ngang, dấu gạch nối

- Phân biệt được dấu gạch ngang, dấu gạch nối

**2. Kĩ năng** :

- Sử dụng dấu gạch ngang và dấu gạch nối trong bài làm văn

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập bộ môn, yêu thích môn học

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I: Lý thuyết**  ? Công dụng dấu gạch ngang?  **Hoạt động II: Luyện tập**  **Câu 1:** (trang 129 SGK Ngữ văn 7 tập 2)  Trong mỗi câu sau, dấu gạch ngang được dùng để làm gì?  a) *Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu [...].*  (Vũ Bằng)  b) *Có người khẽ nói:*  *- Bẩm, dễ có khi đê vỡ!*  *Ngài cau mặt, gắt rằng:*  *- Mặc kệ!*  (Phạm Duy Tốn)  c) Dấu chấm lửng được dùng để:  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;  - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội bất ngờ hay hài ước, châm biếm.  (Ngữ văn 7, tập hai)  d) Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Va-ren - Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng (Phan) Bội Châu đã nhổ vào mặt Va-ren; cái đó thì cũng có thể.  (Nguyễn Ái Quốc)  **Câu 2:**  (trang 130 SGK Ngữ văn 7 tập 2)  Hãy nêu công dụng của dấu gạch ngang trong những câu  a) *Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhận kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…*  (Vũ Bằng)  b) *Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.*  (Nguyễn Ái Quốc)  c) – *Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! – Một chú bé con thầm thì.*  *- Ồ! Cái áo dài đẹp chửa! – Một chị con gái thốt ra.*  (Nguyễn Ái Quốc)  d) *Tàu Hà Nội – Vinh khởi hành lúc 21 giờ.*  e) *Thừa Thiên – Huế là một tỉnh giàu tiềm năng kinh doanh du lịch.*  **Câu 3:** (trang 132 SGK Ngữ văn 7 tập 2)Đặt câu có dùng dấu gạch ngang:  a. Nói về một nhân vật trong vở chèo Quan Âm Thị Kính.  b. Nói về cuộc gặp mặt của đại diện học sinh cả nước. | - Hs khái niệm  - Hs nêu công dụng  - Hs nêu công dụng  - Hs đặt câu | **I. Lý thuyết**  - Đứng giữa câu đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích  - Đứng đầu lòng, đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  a) Đánh dấu bộ phận giải thích.  b) Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  c) Dùng liệt kê các công dụng của dấu chấm lửng.  d) Nối các bộ phận trong liên danh (tên ghép): cuộc hội kiến Va-ren và Phan Bội Châu  **Câu 2:**  - Câu a, b dấu gạch ngang dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.  - Câu c, dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật và bộ phận chú thích, giải thích.  - Câu d dấu gạch ngang dùng để nối các bộ phận trong một liên danh.  .  **Câu 3:**  a. Sùng bà - mẹ chồng của Thị Kính - là một người tàn nhẫn cay độc, tiêu biểu cho vai “mụ ác” trong vở chèo.  b. Hằng năm, những gương mặt xuất sắc của học sinh trong cả nước lại tụ hội về quảng trường Ba Đình để báo công lên Bác Hồ kính yêu - người Cha già vĩ đại của dân tộc. |

***4. Củng cố:*** Nêu công dụng của dấu gạch ngang và dấu gạch nối

Ngày giảng: ngày 12 tháng 04 năm 2021

**TUẦN 31**

**Tiết 61,62:**

**ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Khắc sâu những kiến thức trọng tâm, hệ thống được những nội dung cơ bản về Tiếng Việt trong học kỳ II.

**2. Kĩ năng** :

- Củng cố hoá hệ thống kiến thức.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức học tập thường xuyên

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I :** HDHS củng cố kiến thức lí thuyết  ? Thống kê phép biến đổi câu?  **Hoạt động 2:Các phép tu từ**  ? Thống kê các phép tu từ? | - Hs củng cố  - Hs thống kê | **I. Lý thuyết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Rút gọn câu | - Là lược bỏ một số thành phần của câu  \* Mục đích chính:  - Làm cho câu văn gọn hơn, vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứngtrước.  - Ngụ ý hành động, đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ chủ ngữ) | - Cháu đã ăn cơm chưa  - Dạ chưa | | Thêm trạng ngữ cho câu | \* Đặc điểm:  - Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nội dung, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  - Về hình thức:     + Trạng ngữ có thể đứng đầu câu, cuối câu hay giữa câu.     + Giữa trạng ngữ với CN – VN thường có 1 quãng nghỉ khi nói và dấu phẩy khi viết.  - Công dụng:     + Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làn cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.     + Nối kết các đoạn văn, các câu với nhau => bài văn được mạch lạc. | - Vào 1 đêm cuối xuân, năm 1947, khoảng 2 giờ sáng trên đường đi công tác , Bác Hồ nghỉ chân ở 1 nhà nghỉ bên đường | | Dùng cụm C- V để mở rộng câu | - Dùng cụm C-V làm chủ ngữ, vị ngữ hay các phụ ngữ (trong câu và trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ trong câu) | - Những đám mây sà xuống tạo nên 1 cảm giác bồng bềnh, huyền ảo. | | Chuyển đổi câu chủ động sang câu bị động: | - Câu chủ động:     + Có CN là chủ thể của hành động nêu ở VN     + Không chứa từ “bị” hay “được” trước VN  - Câu bị động:     + Có VN là đối tượng của hành động  + Thường dùng từ “bị” hay “được” (có thể không dùng) ở bộ phận VN. | - những đám mây trắng nhỏ  - Quân ta bao vây quân Ngô cả 3 mặt  - Quân Ngô bị bao vây cả 3 mặt |   **II. Các phép tu từ**   |  |  | | --- | --- | | **Các phép tu từ** | **Kiến thức cần nhớ** | | Điệp ngữ | - Là phép lặp lại từ ngữ, câu để nhấn mạnh ý và gây cảm xúc mạnh  - Có 3 dạng điệp ngữ: ĐN cách quảng, ĐN nối tiếp, ĐN chuyển tiếp | | Liệt kê | -Là phép sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ, cụm từ, nhằm diễn đạt đầy đủ và sinh động những nội dung khác nhau trong thực tế và trong cảm xúc. | |

***4. Củng cố:*** - GV khái quát lại nội dung, kiến thức ôn tập?

Ngày giảng: ngày 19 tháng 04 năm 2021

**TUẦN 32**

**Tiết 63,64:**

**LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ VÀ BÁO CÁO**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- Nắm vững những đặc điểm và cách làm văn bản đề nghị, hành chính

**2. Kĩ năng** :

- Ứng dụng các văn bản đề nghị, báo cáo và tình huống cụ thể, nắm được cách thức làm văn bản này.

**3. Thái độ**:

- Có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống có hiệu quả.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I :**  **?** Hai văn bản trên có điểm gì giống và khác nhau về mặt hình thức, nội dung, mục đích?  **II. Luyện tập**  **Câu 1:**  (trang 138 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):Hãy nêu một tình huống thường gặp trong cuộc sống mà em cho là phải làm văn bản đề nghị và một tình huống phải viết báo cáo (không lặp lại các tình huống đã có trong sách giáo khoa).  **Câu 2:** trang 138 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2):  Từ tình huống cụ thể đó, hãy viết một văn bản đề nghị và một văn bản báo cáo (chuẩn bị ở nhà để trình bày trước lớp).  **Câu 3:** (trang 138 sgk Ngữ Văn 7 Tập 2): Chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng các văn bản sau đây:  a) Do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, một học sinh đã viết báo cáo xin nhà trường miễn giảm học phí.  b) Thầy, cô giáo chủ nhiệm cần biết những công việc tập thể lớp đã làm để giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ và Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Một học sinh thay mặt lớp đã viết giấy đề nghị với thầy, cô giáo chủ nhiệm về những việc làm trên.  c) Cả lớp đều khâm phục tinh thần giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ của bạn H. Bạn ấy xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ. Lớp trường thay mặt lớp viết đơn xin Ban Giám hiệu nhà trường biểu dương, khen thưởng bạn H. | - Hs so sánh  - Hs nêu tình huống  - Hs viết văn bản đề nghị  - Hs trả lời | **I. Lý thuyết**  - Giống nhau: Đều là văn bản hành chính, có tính quy ước cao  - Khác nhau:   |  |  | | --- | --- | | Văn bản đề nghị | Văn bản báo cáo | | \* Về mục đích  - Nhằm đề xuất một nguyện vọng, một ý kiến | - Nhằm tổng kết nêu lên những gì đã làm để cấp trên được biệt | | \* Về nội dung: |  | | Chú ý những mặt: ai đề nghị? đề nghị ai? đề nghị gì? | - Chú ý: Báo cáo của ai?  Báo cáo với ai? Báo cáo việc gì? kết quả như thế nào? | | \* Về hình thức: |  | | Tuỳ theo nội dung cụ thể của từng có độ dài dài hay ngắn | Văn bản nhiều hay ít mà văn bản. |   **II. Luyện tập**  **Câu 1:**Tình huống viết:  a) Đề nghị:  - Nhà trường sửa lại cái bàn trong lớp đã lung lay không viết tốt được.  - Thay tấm bảng vì viết phấn bị trượt, cả lớp không theo dõi được bài giảng.  - Thư viện mở cửa thêm giờ ngày thứ 5 hàng tuần để học sinh vào đọc báo.  b) Báo cáo:  - Tình hình học nhóm tuần vừa qua.  - Buổi hái hoa học tập nhân Ngày 20 - 11  - Tình trạng mất vệ sinh ở trong lớp tuần qua.  **Câu 2:**  CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2018  BÁO CÁO  Về kết quả học tập và lao động của lớp 7A năm học 2017-2018  Kính gửi: Ban giám hiệu Trường THCS Đoàn Thị Điểm  Năm học 2017 - 2018 vừa qua, tập thể lớp 7A đã có những kết quả học tập tích cực và hiệu quả. Cụ thể  A. NHẬN XÉT CÁC MẶT  1. Học tập:  - Các bạn trong lớp đi học đúng giờ, thực hiện đúng các quy định của nhà trường, nghiêm túc trong học tập.  - Học bài và làm bài đầy đủ. Có ý thức xây dựng bài khi học bài mới.  - Kết quả: Cả lớp có 16 bạn đạt danh hiệu học sinh giỏi, 20 bạn đạt danh hiệu học sinh tiên tiến, 2 bạn là học sinh trung bình, không có học sinh yếu, kém.  2. Lao động:  - Các bạn tham gia tích cực các buổi lao động của trường, lớp  - 2 bồn hoa của lớp được đánh giá chăm sóc tốt, đẹp  B. ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG:  1 - Tập thể lớp 7A  2 - Cá nhân: Các bạn Minh Thu, Hoàng Thiện, Hoàng Long  Thay mặt lớp A  Lớp trưởng  (Kí và ghi rõ họ tên)  **Câu 3:**  Chỗ sai:  a) Viết báo cáo là không phù hợp. Tình huống này phải viết đơn để trình bày hoàn cảnh gia đình và đề xuất nguyện vọng của cá nhân.  b) Viết Đề nghị không đúng. Trường hợp này viết Báo cáo để cô chủ nhiệm biết tình hình và kết quả của lớp trong việc giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ và Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.  c) Ở đây không viết Đơn mà cả lớp phải viết Đề nghị để cô chủ nhiệm và Ban Giám hiệu nhà trường khen thưởng bạn H. |

***4. Củng cố:*** - GV khái quát lại nội dung, kiến thức ôn tập?

Ngày giảng: ngày 26 tháng 04 năm 2021

**TUẦN 33**

**Tiết 63,64:**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**A- Mục tiêu bài học:**

**1. Kiến thức**:

- HS tự cung cấp cho mình một hệ thống những câu ca dao, tục ngữ, dân ca địa phương phong phú.

**2. Kĩ năng** :

- Sưu tầm, lựa chọn, sắp xếp ca dao, dân ca, tục ngữ theo yêu cầu.

**3. Thái độ**:

- Yêu thích môn học, yêu quê hương đất nước mình hơn, tự hào nơi mình đang sinh sống.

- Từ đó có ý thức xây dựng quê hương giàu đẹp.

**B- Chuẩn bị:**

- GV: Nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- HS: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi

**C- Tiến trình lên lớp:**

***1. Ổn định tổ chức:***

***2. Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:***

***3. Tiến hành bài học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động I :**  **Câu 1:**(Trang 145 - 146 SGK Ngữ văn 7 tập 2)  **Câu 2:** (trang 148 SGK Ngữ văn 7 tập 2)?  **Câu 3**: (trang 149 SGK Ngữ văn 7 tập 2) | - Hs ôn tập  - Hs điền vào chỗ trống  - Hs thực hiện | **I. Lý thuyết**  **Câu 1:**  1. Phần văn  Trọng tâm là phần Đọc - hiểu văn bản  + Chủ yếu là văn bản nghị luận  + Ngoài ra còn một số tác phẩm tự sự và văn bản nhật dụng  a) Học được phần nội dung nổi bật của các bài văn nghị luận. Chú ý các tiêu đề này là luận điểm bao trùm của văn bản.  - Truyện ngắn Sống chết mặc bay cho thấy:  + Cuộc sống lầm than cơ cực người dân  + Bọn quan lại mục nát, vô trách nhiệm.  - Truyện Những trò lố hay Va-ren và Phan Bội Châu:  + Phơi bày những trò lố bịch của tên toàn quyền Pháp là Va-ren  + Người anh hùng đầy khí phách cao cả Phan Bội Châu  b) - Các văn bản nghị luận có vẻ đẹp của:  + Hệ thống luận điểm, luận cứ  + Cách thức lập luận:  + Chặt chẽ  + Sáng sủa  Giàu sức thuyết phục  - Các truyện ngắn đầu thế kỉ XX cho thấy nghệ thuật miêu tả, châm biếm độc đáo  c) Nắm được nội dung của văn bản nhật dụng Ca Huế trên sông Hương  2. Về phần Tiếng Việt  a) Đặc điểm của các loại câu rút gọn, câu đặc biệt, câu chủ động, câu bị động,…  b) Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.  c) Cách mở rộng câu bằng cụm C-V và trạng ngữ.  d) Công dụng của các dấu câu: dấu chấm lửng, dấu chấm phẩy, dấu gạch ngang.  3. Về phần Tập làm văn  a) Nắm được một số vấn đề chung về văn nghị luận:  - Thế nào là văn nghị luận (lập luận), mục đích và tác dụng của văn nghị luận;  - Bố cục của bài văn nghị luận;  - Các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích.  b) Cách làm bài văn nghị luận:  - Giải thích, chứng minh về một vấn đề chính trị -xã hội;  - Giải thích, chứng minh về một vấn đề văn học.  c) Nắm được nội dung khái quát về văn bản hành chính (hành chính – công vụ):  - Đặc điểm văn bản hành chính;  - Cách làm một văn bản đề nghị và báo cáo;  - Các lỗi thường mắc về các loại văn bản trên.  **Câu 2:**  Điền vào chỗ trống  - Điền một chữ cái, dấu thanh hoặc vần vào chỗ trống  + chân lí, trân châu, trân trọng, chân thành  + mẩu chuyện, thân mẫu, tình mẫu tử, mẩu bút chì  - Điền một tiếng hoặc một từ chứa âm, vần để mắc lỗi vào chỗ trống  + dành dụm, đổ dành, tranh giành, giành độc lập  + liêm sỉ, dũng sĩ, sĩ khí, sỉ vả  **Câu 3:**  Tìm các từ theo yêu cầu  - Tìm các từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất  + cha chú, chả lụa, chạc, chạch  + chạm, chào, cháy  + chán, chát, chăm  + trời, trục, truyện  + trúng, trợn, trừng, tru tréo  + khẩn khoản, ngẩn ngơ, đỏ  + trắng, trơn tru, trong trẻo  + hỗn loạn, khập khễnh, lịch lãm |

***4. Củng cố:*** - GV khái quát lại nội dung, kiến thức ôn tập?

Ngày giảng: ngày 03 tháng 05 năm 2021

**TUẦN 34:**

**ÔN TẬP CUỐI KÌ II**

Ngày giảng: ngày 10 tháng 05 năm 2021

**TUẦN 35:**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ II**